Có nên dựa vào hiệu ứng Kuznets để tạo ra tăng trưởng công bằng: Bằng chứng từ sự phát triển sau năm 1950

Kirk Bowman[1]
Phòng khoa học chính trị
Đại học Bắc Carolina, Chapel Hill, Hoa Kỳ

Tóm tắt. – Phần lớn nội dung của bài nghiên cứu thống kê dữ liệu chéo nhằm đánh giá (a) Hình chữ U ngược của Kuznets đối với các nước kém phát triển (LDC) và (b) một điểm ngoặt. được phân tích. Một phương pháp luận chọn lọc cũng được trình bày. Những nước bắt đầu vào năm 1950 có RGDP thấp hơn "điểm ngoặt" và đạt đến giá trị RGDP cao hơn "điểm ngoặt" vào 1980 được sử dụng như những trường hợp nghiên cứu chủ yếu. Số liệu phân phối thu nhập và đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu quốc gia được kết hợp với các phân tích vi mô so sánh lịch sử cho từng trường hợp nghiên cứu chủ yếu – Brazil, Costa Rica, Hi Lạp, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Đài Loan, và Thổ Nhĩ Kỳ – để xây dựng các mô thức phân phối thu nhập trong thời kỳ tăng trưởng quan trọng này. Bài viết này chứng minh rằng ban giám khảo vẫn rất sai lầm về chữ U ngược của Kuznets ở các nước kém phát triển, và ý tưởng về bước ngoặt nên bị bác bỏ.

Từ khoá – phân phối thu nhập, Kuznets, bất bình đẳng, đói nghèo, phát triển, tăng trưởng kinh tế.

1. DẪN NHẬP

Trong bài phát biểu năm 1954 với tư cách chủ tịch trước Hiệp hội kinh tế Mỹ, Simon Kuznets đã cho rằng bất bình đẳng thu nhập đầu tiên gia tăng nhưng sau đó giảm xuống khi đất nước công nghiệp hoá (1955). Trong những năm sau đó, nhiều nghiên cứu học thuật xác nhận hiệu ứng Kuznets cho các nước công nghiệp tiên tiến (xem nghiên cứu tổng quan của Lacaillon và những người khác, 1984; Lindert và Williamson, 1985).

Trong những năm gần đây, vô số nghiên cứu tập trung vào khả năng áp dụng hiệu ứng Kuznets cho các nước kém phát triển (LCDs). Nhiều phân tích thống kê theo dạng dữ liệu chéo đã được xuất bản (Adelman và Morris, 1973; Ahluwalia và những người khác, 1979; Anand và Kanbur, 1993; Muller, 1988; Nielsen, 1994; Nielsen và Alderson, 1994; Paukert, 1973; Ram, 1988; Saith, 1983). Một số nghiên cứu đã tìm thấy điểm ngoặt GNP đầu người trên hình chữ U ngược, mà khi một đất nước "điển hình" đạt đến điểm ngoặt này, sẽ mang lại kỳ vọng về một cách phân phối công bằng hơn đi kèm với tăng trưởng kinh tế hơn nữa (Ahluwalia, 1976; Randolph và Lott, 1993). Trong khi nhiều nghiên cứu theo dữ liệu chéo bác bỏ hiệu ứng Kuznets hình chữ U ngược tại các nước kém phát triển, vẫn có nhiều nghiên cứu hỗ trợ giả thiết của Kuznets.[1] Tuy nhiên, các kết quả không có tính kết luận dứt khoát và các kết quả mâu thuẫn nhau khiến một nhà nghiên cứu nhận xét rằng "Độc giả của các tạp chí nghiên cứu khoa học lớn ngày nay lẫn lộn cũng phải khi các tạp chí ngày càng thường xuyên đăng tải những phát hiện khác nhau về chủ đề

[1] Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi một học bổng trước khi bảo vệ luận văn quốc tế của Hội đồng nghiên cứu khoa học xã hội và Hội học thuật Mỹ được tài trợ từ Quỹ Ford. Tác giả xin cảm ơn Jerrold Green, Christopher Hubbard, Fabrice Lehoucq, Edward Muller quá cố, Francois Nielson, Michael Perkins, Mitchell Seligson, và ba người chứng nhận ẩn danh về các nhận xét đối với bản thảo ban đầu. Bản cuối cùng được chấp thuận: ngày 6-8-1996.

này" (Seligson, 1993, trang 442). Adelman và Robinson (1989, trang 958) và Saith (1983) tỏ ra hoài nghi về cách tiếp cận theo dữ liệu chéo từng đưa đến kết luận về hiệu ứng chữ U ngược đối với các nước kém phát triển. Điều mà các nghiên cứu này nhất trí với nhau là tình trạng bất bình đẳng gia tăng đáng kể trong những giai đoạn đầu tiên của công nghiệp hoá, "nhưng có sự tranh cãi về việc liệu tình trạng bất bình đẳng giảm xuống trong quá trình phát triển là điều tất yếu xảy ra (giả thiết U) hay đó là vấn đề chọn lựa chính sách (giả thiết J)" (Adelman và Robinson, 1989, trang 958-959).

Trong khi cuộc tranh luận của các học giả gần như không có tầm quan trọng bên ngoài giới học thuật, việc tìm hiểu các áp lực làm giảm tình trạng bất bình đẳng có tiềm năng mang lại những ảnh hưởng âm vang trong cuộc sống thực tế.[2] Để minh hoạ, ta xem xét tóm tắt các trường hợp của Brazil và Costa Rica, hai quốc gia châu Mỹ Latinh có mức phát triển trung bình (căn cứ theo *Báo cáo phát triển thế giới* năm 1992, GNP đầu người 1990 của Brazil là 2.680 USD trong khi của Costa Rica là 1.900 USD). Hai nước này có tình trạng bất bình đẳng tương tự nhau trong phân phối thu nhập năm 1960, tỷ phần thu nhập trong tổng thu nhập của 20 phần trăm dân số có thu nhập cao nhất là 62 phần trăm ở Brazil và 61 phần trăm ở Costa Rica (Muller, 1985). Năm 1989, hệ số Gini về tình trạng bất bình đẳng ở Brazil là 0,6331 trong khi hệ số Gini ở Costa Rica là 0,4604 (Psacharopoulos và những người khác, 1993). Kết quả là cho dù Brazil có thu nhập đầu người cao hơn, nhưng 40,9 phần trăm dân số của họ sống trong đói nghèo vào năm 1989 so với chỉ có 3,4 phần trăm dân chúng sống trong đói nghèo ở Costa Rica.[3] Nếu Brazil có mức bất bình đẳng thu nhập vừa phải như của Costa Rica, khoảng 53 triệu người sẽ thoát khỏi cảnh đói nghèo![4]

Việc tìm hiểu đầy đủ hơn về chữ U ngược quan trọng hơn bao giờ hết ứng với sự chú trọng nhiều vào các chiến lược phát triển được chi phối bởi tăng trưởng của chủ nghĩa tự do mới hiện đang ngự trị tại các nước đang phát triển, ngay cả tại nhiều nước - như Costa Rica - vốn có truyền thống chú trọng vào công bằng. Trong nghiên cứu này, tôi thảo luận vắn tắt về những yếu kém của hai cách tiếp cận chính để đánh giá chữ U ngược: các phép hồi qui theo dữ liệu chéo và các tình huống nghiên cứu. Triển khai đề xuất nghiên cứu của Kuznets, tôi sẽ trình bày một cách tiếp cận tổng hợp khác và kiểm nghiệm khả năng áp dụng chữ U ngược cho các nước kém phát triển (LDC).

2. CÁC PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THỐNG VÀ NHƯỢC ĐIỂM CỦA CÁC PHƯƠNG PHÁP NÀY

Có hai phương pháp phổ biến trong nghiên cứu về giả thiết Kuznets. Phổ biến nhất là các nghiên cứu hồi qui theo các nước. Phần lớn các nghiên cứu này đều xác định lại chi tiết của các mô hình đã được xuất bản, áp dụng cho các số liệu khác nhau, và trình bày những bằng chứng thống kê thường mâu thuẫn nhau. Kiểu đánh bóng bàn của các học giả này là nguyên nhân của sự lẫn lộn đáng kể mà Seligson (1993, trang 442) từng nhận xét và tình trạng bế tắc mà Saith nhận thấy (1983, trang 367). Ngay cả nếu các nghiên cứu theo dữ liệu chéo đi đến sự nhất trí chung nào đó về chữ U ngược, các kết luận vẫn đáng ngờ về cơ sở lý thuyết và phương pháp luận. Saith (1983) và Seligson (1993) thảo luận nhiều thử thách tiềm năng khi sử dụng phương pháp luận này cho vấn đề nghiên cứu cụ thể này.[5] Việc trình bày các quan điểm chỉ trích đó ở đây là điều bổ ích.

Vấn đề chính đầu tiên của phương pháp này khi đánh giá chữ U ngược cho các nước kém phát triển là độ nhạy của việc chọn mẫu và xuất phát từ tình trạng thiếu số liệu sẵn có. Seligson gọi vấn đề này là:

> "hiệu ứng Mauritania" – nghĩa là những khác biệt to lớn trong các kết quả tạo ra khi nghiên cứu chỉ bao gồm một hay hai quốc gia mà thôi. Ví dụ, trong một khảo sát, việc bao gồm Mauritania với dân số chỉ có 1,5 triệu người, có tác động to lớn đối với kết quả của một phương trình hồi qui chính. Các phát hiện có xu hướng không thuyết phục khi có các biến thiên nhỏ xảy ra trong cấu trúc mẫu; do đó niềm tin đối với các kết quả bị lung lay (1993, trang 443).

Một vấn đề liên quan là độ nhạy của việc chọn thời điểm quan sát quốc gia. Ví dụ, Randolph và Lott (1993) sử dụng bộ số liệu tương thích của van Ginneken và Park (1984) mà cho ta biết tình trạng phân phối thu nhập cho các năm riêng lẻ của 32 quốc gia (24 nước kém phát triển và 8 nước phát triển). Thời điểm quan sát được chọn cho nhiều nước LDC có thu nhập cao hơn trùng với mức bất bình đẳng tương đối thấp mà sau đó đã tăng lên. Ví dụ, van Ginneken và Park sử dụng số liệu năm 1968 cho Chile. Với hệ số Gini thấp vừa phải là 0,45 và trình độ phát triển cao ứng với RGDP bằng 2.015 USD so với 23 nước kém phát triển khác trong nghiên cứu, trường hợp của Chile năm 1968 xác nhận giả thiết Kuznets trong nghiên cứu của Randolph và Lott. Nếu thay thế bằng số liệu gần đây hơn - hệ số Gini của Chile năm 1989 vọt lên đến 0,573 cho dù RGDP cao hơn – kết luận của các tác giả có lẽ khác đi nhiều.

Vấn đề lớn thứ hai của các phân tích theo dữ liệu chéo về đường cong Kuznets cho các nước kém phát triển là: nhìn chung các phân tích này bỏ qua các biến số về văn hoá, lịch sử và chính trị.[6] Phần lớn những nước kém phát triển có trình độ phát triển trung bình cùng với tình trạng bất bình đẳng cao được tìm thấy ở châu Mỹ Latinh.

> Đúng là các quốc gia châu Mỹ Latinh được tìm thấy thể hiện mức độ tương đối cao về ...sự phụ thuộc…. Người ta có thể nhảy ngay đến kết luận, như một số nghiên cứu từng làm, là do đó, tình trạng bất bình đẳng sẽ là một hàm số theo mức độ phụ thuộc. Tuy nhiên, cũng có một giả thiết khác thuyết phục không kém, rằng tình trạng bất bình đẳng ở châu Mỹ Latinh là một phần của nền văn hoá chính trị chuyên quyền quan liêu theo chủ nghĩa nghiệp đoàn, được xem là đặc điểm của vùng này. Do đó, ta không biết liệu mức độ bất bình đẳng tương đối cao của châu Mỹ Latinh là hàm số của trình độ phát triển trung gian này (theo đề xuất của Kuznets, nghĩa là hàm số theo sự phụ thuộc)…, hay là hàm số của nền văn hoá chính trị khu vực. *Việc xác định xem thử giả thiết nào đúng sẽ đòi hỏi phải có số liệu theo chiều dọc* (Seligson, 1993; trang 444; phần nhấn mạnh là của tôi).

Nên nhớ, người ta vẫn có sự nhất trí chung rằng trong giai đoạn phát triển ban đầu, công nghiệp hoá đi liền với sự gia tăng mạnh bất bình đẳng. Điều người ta tranh cãi là nếu các yếu tố khác không thay đổi, liệu tăng trưởng thêm nữa có dẫn đến giảm tình trạng bất bình đẳng về phân phối thu nhập hay không. Trong một mẫu nghiên cứu tương đối nhỏ, nếu có một số nước LDC có GNP tương đối cao mà đạt được mức bất bình đẳng thấp do (a) phân phối đất đai đại trà vào các giai đoạn phát triển ban đầu (tái phân phối trước khi tăng trưởng, hoặc do (b) các chính sách tái phân phối mạnh trong thời kỳ công nghiệp hoá (tái phân phối cùng với tăng trưởng) – và không hề do bất kỳ xu hướng kinh tế nào gắn liền với chữ U ngược – thì đường biểu diễn mối quan hệ có dạng chữ U ngược có thể được trình bày từ nghiên cứu này sang nghiên cứu khác nhưng việc gán hình dạng đó cho hiệu ứng Kuznets sẽ là sai lầm.

Vấn đề lớn thứ ba, nhất là với những nghiên cứu bao hàm cả các nước kém phát triển và các nước phát triển trong cùng một phép hồi qui, liên quan đến giả định rằng các nước kém phát triển trong thập niên 90 đang ở trên cùng một con đường tăng trưởng như những nước công nghiệp vốn đã trải qua các giai đoạn phát triển tương tự từ đầu những năm 1900. Nhiều nghiên cứu trong tư liệu theo sau nghiên cứu của Alexander Gerschenkron lập luận rằng việc chọn thời điểm là quan trọng và việc trải qua cùng những bước phát triển như nhau ở những vùng khác nhau sẽ mang lại những kết quả khác nhau (Gerschenkron, 1962). Ngay cả trước khi xuất hiện công trình nghiên cứu bước ngoặt của Gerschenkron, chính Kuznets cũng nhấn mạnh về vấn đề này:

> Cả vị trí kinh tế tương đối và tuyệt đối, cũng như vai trò tổng quát của lịch sử gần đây của các nước phát triển hiện nay trong giai đoạn tiền công nghiệp của họ vốn là *khác biệt chủ yếu* so với vị trí kinh tế và di sản lịch sử tức thời của các nước kém phát triển ngày nay. Do đó, thật là không an toàn khi ngoại suy các khía cạnh kinh tế hay nhân khẩu từ các thành tích trước kia của các nước phát triển trở thành các mức độ hiện tại và tương lai của các nước kém phát triển (1954, trang 154, phần nhấn mạnh là của tôi).

Một phương pháp nghiên cứu khác là phương pháp luận nghiên cứu tình huống, đôi khi phân tích một tình huống (Fei và những người khác, 1979; Randolph, 1990; Taylor và những người khác, 1980) và đôi khi phân tích vài tình huống (Hansen, 1991; Mizoguchi, 1985). Các tình huống có thể tiêu biểu cho sự xem xét sâu xa hơn về tính nhân quả và số liệu theo chiều dọc. Đáng tiếc thay, thật khó mà khái quát hoá từ một hay vài trường hợp và số liệu theo chiều dọc thường dựa vào một khoảng thời gian quá ngắn nên không thể đưa ra một nhận định xác thực nào về những quá trình dài hạn như đề xuất của Kuznets.[7]

3. MỘT TIẾP CẬN TỔNG HỢP

Một nghiên cứu bổ sung về đường cong Kuznets cho các nước kém phát triển được biện hộ do: phương pháp nghiên cứu tình huống truyền thống hay phương pháp phân tích theo quốc gia không thể mang lại các kết quả có tính kết luận; có nhiều chỉ trích về phương pháp luận và lý thuyết đối với các phương pháp luận phổ biến để đánh giá hiệu ứng Kuznets cho các nước kém phát triển; và sự đa dạng chính sách trong thế giới thực của giả thiết. Bài viết của Kuznets cung cấp một bản thiết kế ban đầu có giá trị để đi đến một cách tiếp cận khác giúp đánh giá nhận định gây nhiều tranh cãi rằng sau một trình độ phát triển kinh tế nhất định, lợi ích kinh tế tăng thêm nhìn chung sẽ mang lại tình trạng bất bình đẳng giảm dần.

- Kuznets đánh giá những quốc gia riêng biệt (Đức, Hoa Kỳ, Anh) mà đã đạt được một số đo thành công về phát triển kinh tế, và với lợi ích của sự thấu hiểu sự việc sau khi đã xảy ra, ông đã đánh giá con đường đi của các nước này về tình trạng bất bình đẳng.
- Kuznets nhận định dứt khoát rằng các điều kiện của các nước phát triển vào năm 1954 và các điều kiện của các nước đang phát triển sau năm 1954 là "khác biệt chủ yếu" (1954, trang 151). Sự tiến bộ thực sự trong việc đánh giá các nước kém phát triển chỉ có thể đạt được thông qua đánh giá những nước phát triển kinh tế sau năm 1950.
- Kuznets bác bỏ nghiên cứu ở những nơi mà tăng trưởng kinh tế là biến độc lập chính: "Công việc hữu hiệu trong lĩnh vực này *nhất thiết* kêu gọi sự chuyển dịch từ kinh tế học thị trường sang kinh tế học chính trị và xã hội (1955, trang 28, phần nhấn mạnh là của tôi).

- Kuznets khuyên nên sử dụng số liệu theo chiều dọc: các khoảng thời gian nghiên cứu nên đủ dài để thiết lập các tỉ lệ thay đổi lâu dài mà không bị lẫn lộn với những thay đổi nhất thời. Chính từ những nghiên cứu cho những thời gian dài, chú trọng vào sự kết nối giữa các xu hướng lâu dài về dân số, trình độ và cơ cấu kinh tế, về các thể chế chính trị và xã hội bên trong, và về bối cảnh thế giới, mà chúng ta hy vọng suy ra được những kết luận có thể kiểm nghiệm được, hữu ích trong việc tìm hiểu và đối phó với những vấn đề của tăng trưởng kinh tế ở các nước kém phát triển. Những cách làm tắt khác phổ biến hiện nay – so sánh giữa các nước – không phải là một hướng dẫn đầy đủ cho các kết luận có tính phân tích và có thể kiểm nghiệm hay cho sự hình thành chính sách dài hạn (1954, trang 153).

Theo tinh thần nghiên cứu của Kuznets, tôi đề xuất cơ cấu nghiên cứu sau đây để đánh giá chữ U ngược đối với các nước phát triển sau Chiến tranh thế giới II: Thực hiện các phân tích vi mô so sánh theo chiều dọc lịch sử về tăng trưởng kinh tế và tình trạng bất bình đẳng cho tất cả những trường hợp đã trải qua một chặng đường phát triển kinh tế từ Chiến tranh thế giới II mà người ta kỳ vọng có thể quan sát thấy chữ U ngược. Về thực chất, cách tiếp cận này đưa ta quay lại với cơ cấu nghiên cứu ban đầu của Kuznets, nhưng xem xét những nước bắt đầu từ nước nghèo và trải qua tăng trưởng kinh tế dài hạn sau Chiến tranh thế giới II thay vì sử dụng trường hợp của Đức, Anh, và Hoa Kỳ.

(a) Việc chọn lựa trường hợp nghiên cứu

Các trường hợp yêu cầu là những nước bắt đầu từ một điểm còn nghèo rồi sau đó đi qua và vượt xa điểm ngoặt kỳ vọng trên chữ U ngược. Randolph và Lott (1993) đã cung cấp giá trị ước lượng công phu nhất của "điểm ngoặt." Các tác giả sử dụng thu nhập tính theo phương pháp ngang bằng sức mua của Summers và Heston (1984) làm chỉ báo về mức độ phát triển. Randolph và Lott đi tới kết luận sau: (i) "hỗ trợ mạnh cho giả thiết Kuznets" ứng với mẫu đầy đủ bao gồm các nước phát triển và các nước đang phát triển hiện đại (trang 838); (ii) hỗ trợ một cách thận trọng ứng với giả thiết thay đổi cơ cấu rằng "các nước phát triển và đang phát triển ở trên cùng đường cong Kuznets" (trang 838); và (iii) việc dò tìm "một mức thu nhập mà tại đó dự đoán điểm ngoặt sẽ xảy ra" là "vấn đề then chốt …nhìn từ góc độ chính sách" (trang 838). Điểm ngoặt trung bình của hệ số Gini từ sáu mô hình của họ là tương ứng với thu nhập 1.200 USD theo USD năm 1975. Các tác giả đề xuất rằng để xác nhận hay bác bỏ sự hỗ trợ có điều kiện ứng với giả thiết thay đổi cơ cấu, cần phải có nhiều quan sát từ các nước riêng lẻ ở gần điểm ngoặt (trang 838-889). Đây chính xác là những gì tôi đề xuất.

Với một điểm ngoặt trong tay , chúng ta có thể xác lập các qui tắc cụ thể cho việc chọn các trường hợp nghiên cứu. Vì điểm ngoặt là giá trị gần đúng và hiệu ứng hình chữ U ngược là một hiệu ứng dài hạn, tôi triển khai một quá trình chọn lựa, trong đó chọn ra những nước bắt đầu vào khoảng năm 1950 là nước nghèo (có thu nhập nằm xa bên dưới điểm ngoặt của Randolph và Lott) và đến năm 1980 đã đạt được một trình độ phát triển vượt xa điểm ngoặt. Nếu khái niệm điểm ngoặt có bất kỳ ứng dụng chính sách nào đó, thì chính trong một số quốc gia này, ta sẽ tìm được một đường biểu diễn mối quan hệ hình chữ U ngược không có tính mơ hồ. Tất cả những nước có RGDP theo Summers và Heston ít nhất thấp hơn 25 phần trăm so với điểm ngoặt 1200 USD vào năm 1950 và có RGDP ít nhất bằng 2000 USD vào năm 1980 đều được chọn.[8] Vào đầu thời đoạn nghiên cứu, tất cả các trường hợp nghiên cứu đều là những nước nghèo. Khi đo theo

RGDP, trình độ phát triển năm 1950 của các trường hợp đều thấp hơn trình độ phát triển của Bolivia, Congo, và Honduras vào năm 1980.[9] Tất cả các nước tìm được thông qua tiến trình chọn lựa trường hợp nghiên cứu này bao gồm Brazil, Costa Rica, Hi Lạp, Nhật Bản, Malaysia, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc, Đài Loan, và Thổ Nhĩ Kỳ, và được trình bày đầy đủ hơn trong bảng 1. Nhóm các trường hợp nghiên cứu chủ yếu này bao gồm các nước từ sáu vùng khác nhau trên thế giới; Trung Mỹ, Nam Mỹ, châu Âu, Trung Đông, Đông Á, và Đông nam Á.

Bảng 1. Điểm ngoặt và RGDP cho các trường hợp nghiên cứu then chốt vào năm 1950, 1980

Đơn vị tính: USD

Quốc gia	RGDP năm 1950*	Điểm ngoặt**	RGDP năm 1980*
Brazil	637	1200	2.152
Costa Rica	819	1200	2.170
Hi Lạp	905	1200	3.946
Nhật Bản	810	1200	5.996
Malaysia	784***	1200	2.204
Bồ Đào Nha	733	1200	3.092
Hàn Quốc	558***	1200	2.007
Đài Loan	508	1200	2.522
Thổ Nhĩ Kỳ	701	1200	2.069

* GDP thực đầu người theo Summers và Heston theo USD năm 1975.

** Theo tính toán của Randolph và Lott, điểm ngoặt là mức GDP đầu người mà sau mức này, tăng trưởng GNP thêm nữa sẽ dẫn đến giảm hệ số Gini.

*** Năm 1953 là thời điểm bắt đầu cho Hàn Quốc và năm 1955 là thời điểm bắt đầu cho Malaysia trong số liệu RGDP của Sumers và Heston.

Số liệu đầy đủ và các nghiên cứu so sánh lịch sử đều có sẵn đối với từng trường hợp nghiên cứu - ngoại trừ Bồ Đào Nha, do đó trường hợp này bị loại ra - để suy ra các kết luận mang tính chất thăm dò về hiệu ứng Kuznets cho các nước kém phát triển.[10] Để nghiên cứu hữu hiệu, ba câu hỏi sau đây sẽ được nhấn mạnh. Thứ nhất, khi sử dụng số liệu hiện có tốt nhất cho tình trạng bất bình đẳng và sử dụng giá trị ước lượng RGDP của Summers và Heston, thể hiện mối quan hệ giữa thay đổi thu nhập đầu người và tình trạng bất bình đẳng thu nhập theo thời gian là như thế nào đối với tám nước nghiên cứu? Thứ hai, những thay đổi đáng kể về tình trạng bất bình đẳng thu nhập có thể được giải thích tốt hơn bằng hiệu ứng Kuznets hay bằng các biến số chính trị xã hội khác? Thứ ba, điểm ngoặt của Randolph và Lott hay bất kỳ một điểm ngoặt nào khác liệu có bất kỳ ý nghĩa chính sách gì không? Ta có thể thật sự biết liệu "một nước hiện đang cách vài năm hay vài thập niên so với điểm ngoặt", là điểm mà khi đến đó "xu hướng công bằng có thể được kỳ vọng đạt được" (1993, trang 838)?

(b) Tính tương thích hay tính có thể so sánh của số liệu

Trước khi trình bày các trường hợp nghiên cứu, ta phải giải quyết vấn đề về tính có thể so sánh của số liệu. Với ngoại lệ khả dĩ là các điều tra khảo sát của Luxembourg (LIS) về các nước công nghiệp tiên tiến, không có số liệu quốc gia theo chiều dọc nào tồn tại với khả năng có thể so sánh 100 phần trăm và người ta vẫn bày tỏ mối lo ngại về các trục trặc trong việc đo lường (Bollen và Jackman, 1985; Muller, 1985, 1988). Randolph và Lott nỗ lực xác nhận số liệu của van

Ginneken và Park là nguồn số liệu phân phối thu nhập duy nhất có thể chấp nhận. Tuy nhiên, Muller (1993), Nielsen (1994), Randolph (1990) và nhiều tác giả khác đã sử dụng số liệu khác và Nielsen và Alderson (1994) sử dụng số liệu bất bình đẳng thu nhập từ tám nguồn cho biến phụ thuộc của họ. Trong nghiên cứu này, trục trặc về dữ liệu có thể so sánh được hạn chế đến mức tối thiểu vì ba lý do. Thứ nhất, tôi đang tìm kiếm sự thay đổi rõ ràng về hệ số Gini trong các phân tích theo chiều dọc của các nước riêng lẻ và kết luận sẽ không bị ảnh hưởng bởi sai số đo lường 1 hay 2 phần trăm giống như có thể xảy ra trong phân tích hồi qui.[11] Thứ hai, các kỹ thuật thu thập số liệu và định nghĩa biến số trong các điều tra về bất bình đẳng thường lặp lại theo thời gian trong một đất nước riêng lẻ, do đó số liệu theo chiều dọc cho một trường hợp riêng lẻ thường tương thích hay có thể so sánh hơn so với số liệu theo quốc gia cho nhiều nước. Những nỗ lực to lớn đã được thực hiện để tối đa hoá tính tương thích của số liệu khi số liệu cho một trường hợp thu thập từ các nguồn khác nhau. Những nguồn số liệu với sự khác biệt rõ rệt về tính tương thích – ví dụ như cấp độ phân tích cá nhân so với hộ gia đình - sẽ không được sử dụng.[12] Cuối cùng, trong những trường hợp mà các phát hiện có thể phụ thuộc vào điều kiện, tôi bổ sung thêm số liệu thô với sự chứng thực của các nhà nghiên cứu hàng đầu chuyên nghiên cứu phân phối thu nhập ở các nước riêng lẻ. Đây là một trong những điểm mạnh chính của thiết kế nghiên cứu này.

4. CÁC TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU CHỦ YẾU

(a) Brazil

Brazil là một trường hợp điển hình lý tưởng (Ragin, 1987, trang 71) để xem xét hiệu ứng Kuznets và điểm ngoặt cho các nước kém phát triển vì các quan chức chính phủ nước này sùng bái bám lấy hiệu ứng chữ U ngược như một chính sách phát triển. Ở Brazil, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tình trạng bất bình đẳng có thể được phân tích trong một trường hợp có sự can thiệp tối thiểu của các chính sách tái phân phối thu nhập của chính phủ.

Tiếp cận phân phối thu nhập dựa vào các lực thị trường của Brazil đã được trình bày trong nghiên cứu của Carlos Langoni, một nhà kinh tế học chính phủ được đào tạo ở đại học Chicago tin rằng tình trạng bất bình đẳng gia tăng là hiện tượng tất yếu đi kèm với phát triển kinh tế nhưng sau cùng, khi nền kinh tế đạt đến điểm ngoặt thì tình trạng bất bình đẳng thu nhập sẽ giảm. Theo sau Kuznets, Langoni kết nối sự gia tăng và sau đó giảm dần của tình trạng bất bình đẳng với các áp lực cố hữu trong quá trình đô thị hoá và chủ nghĩa nhị nguyên khu vực (Taylor và những người khác, 1980, trang 306-313). Đối với Langoni, vai trò của chính phủ trong phân phối thu nhập nên được hạn chế ở mức tối thiểu,

> Bên cạnh việc cung cấp giáo dục đại học nhiều hơn, tất cả những gì chính phủ Brazil cần làm là tiếp tục với công việc tăng trưởng – và các lực thị trường sẽ lo liệu vấn đề công bằng (Hewlett, 1982, trang 332).

Langoni và chữ U ngược gây ra một ấn tượng đáng kể đối với Delfim Netto, vị kiến trúc sư phô trương của phép màu kinh tế Brazil từng đưa ra quan điểm chính thức về tình trạng bất bình đẳng: "Chúng ta biết 100 phần trăm dân số đang nhận được 100 phần trăm thu nhập quốc dân: việc phân phối không quan trọng" (trích trong nghiên cứu của Mittelman, 1988, trang 98). Trong lời giới thiệu ở đầu quyển sách của Langoni năm 1973, *Distribuicao da Renda*, Delfim Netto

nhạo báng những người chủ trương sử dụng chính sách nhà nước để giảm tình trạng bất bình đẳng truyền kỳ giữa người có của và kẻ không có ở Brazil:

> Cáo buộc họ ham mê một "trò chơi liều lĩnh thực sự mà sẽ kết thúc ở chỗ cả nước cùng chia sẻ cảnh nghèo khổ một cách công bằng hơn." Lý thuyết "các lực thị trường" được áp dụng như sự lý giải chính thức về các xu hướng phân phối thu nhập trong thời gian gần đây vì lý do hiển nhiên là nó miễn trách chế độ quân sự khỏi bất kỳ tội lỗi trực tiếp nào trong việc làm xấu đi tình trạng phúc lợi xã hội. Lý thuyết này cực kỳ thuận tiện ở chỗ nó ngăn cản nhu cầu về bất kỳ chính sách tái phân phối nào trong tương lai. Nó cũng tước hết khả năng chỉ trích từ các nền dân chủ tiên tiến. Nền tảng của hầu hết phân tích là sự so sánh ngầm ẩn với Bắc Mỹ và châu Âu vào thế kỷ mười chín. Nếu các nước này có thể gánh chịu các chi phí ngắn hạn trong quá trình phát triển của họ thì tại sao Brazil lại không (Hewlett, 1982, 332).

Kết quả của các chính sách "các lực thị trường" của Brazil được tóm tắt trong bảng 2, và được lập biểu đồ so sánh trong hình 1 và 2.

Bảng 2. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Brazil

RGDP* (USD)	864	997	974	1.084	1.225	1.902	2.053	2.143*
Gini**	0,5086	0,5413	0,5193	0,5245	0,5776	0,5774	0,5944	0,6331
Năm	1959	1962	1965	1968	1971	1976	1979	1989

* RGDP là thu nhập thực đầu người tính theo USD năm 1975 từ nghiên cứu của Summers và Heston (1984). Năm cuối cùng có số liệu là năm 1980. Với năm 1989, số liệu tăng trưởng kinh tế ECLAC 1980-89 từ *Statistical Abstract of Latin America (Tóm tắt thống kê châu Mỹ Latin)*, tập 30, trang 1244-1247 được áp dụng cho RGDP năm 1980 từ Summer và Heston.

** Nguồn: Hewlett (1982), trang 320; Psacharopoulos và những người khác (1993), trang A3.7–A3.8; Taylor và những người khác (1980), trang 212.

Brazil có thể đạt được tăng trưởng đáng kể trong thời kỳ này, và thậm chí vẫn có thể đạt được tăng trưởng thu nhập thực đầu người trong "thập niên bị đánh mất" những năm 1980. Trong nông nghiệp, Brazil là nước xuất khẩu cà phê và nước cam lớn nhất thế giới. Trong công nghiệp chế tạo, cỗ máy kinh tế đầy ấn tượng của Brazil xuất khẩu mọi thứ từ vũ khí công nghệ cao, máy bay và máy tính cho đến những hàng hoá công nghệ thấp như giày dép và quần bò. Thị trường không bao giờ can thiệp như dự đoán của Langoni và lợi ích của toàn bộ sự tăng trưởng này không bao giờ được mang lại cho tất cả mọi người. Ngày nay, khoảng 25 năm sau khi đã đi qua điểm ngoặt 1200 USD của Randolph và Lott (đạt được vào năm 1970), Brazil là thị trường lớn thứ hai trên thế giới về máy bay phản lực trong khi ít nhất một phần tư dân số vẫn đi ngủ với bụng đói hàng đêm (Brooke, 1993, trang 20). Tỉ lệ tử vong sơ sinh, tình trạng suy dinh dưỡng, tuổi thọ, và các chỉ báo xã hội khác ở những mức rất thấp so với mức GDP đầu người của đất nước. Mức đói nghèo tính theo tỉ lệ phần trăm dân số gần bằng mức của Honduras và Bolivia. Theo ngôn ngữ của một lãnh đạo quân sự Brazil, "Brazil đang ăn nên làm ra. Chính dân chúng mới đang làm ăn yếu kém" (trích trong nghiên cứu của Brooke, 1993, trang 20).

Hình 1. Hệ số Gini theo Log RGDP cho các tình huống nghiên cứu chính

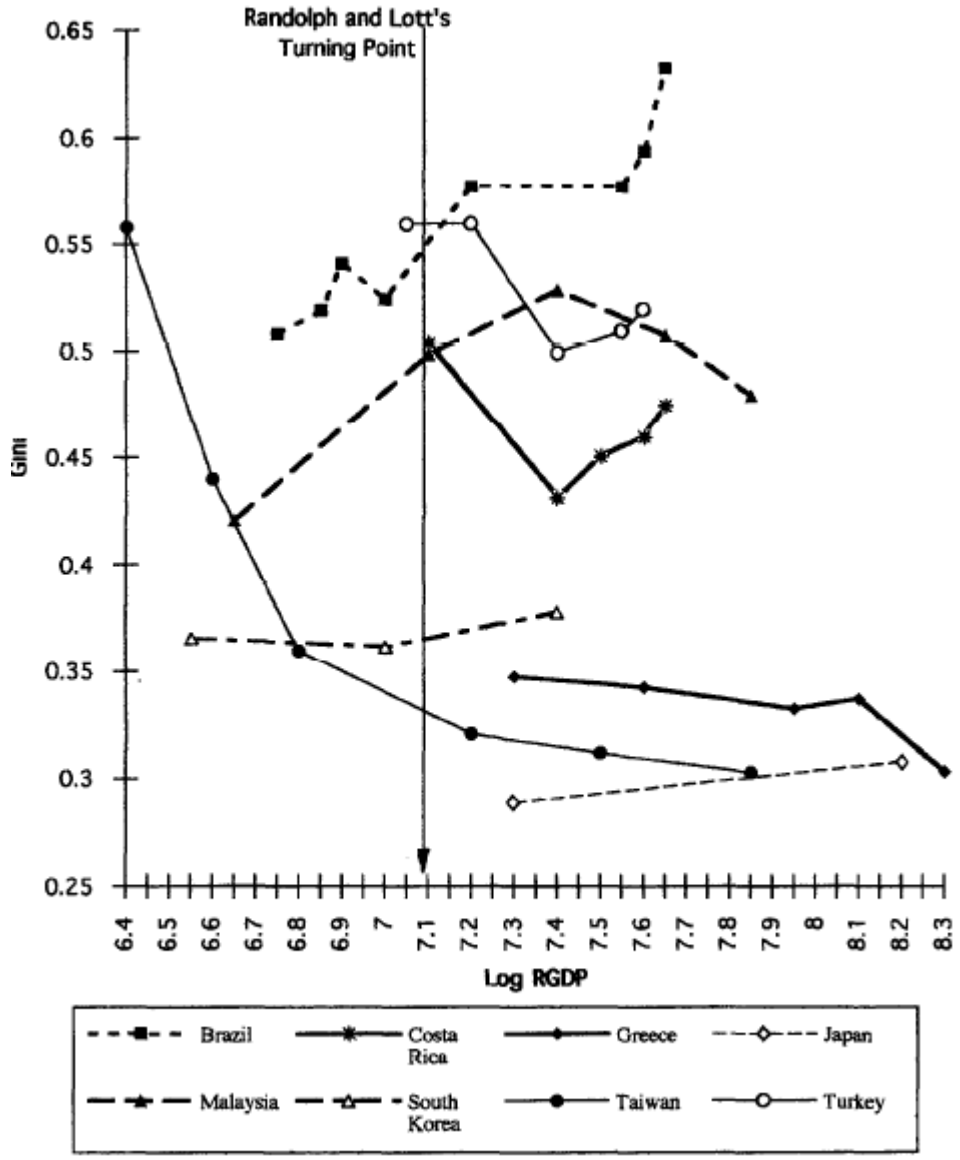

Hình 2. Hệ số Gini theo thời gian cho các tình huống nghiên cứu chính

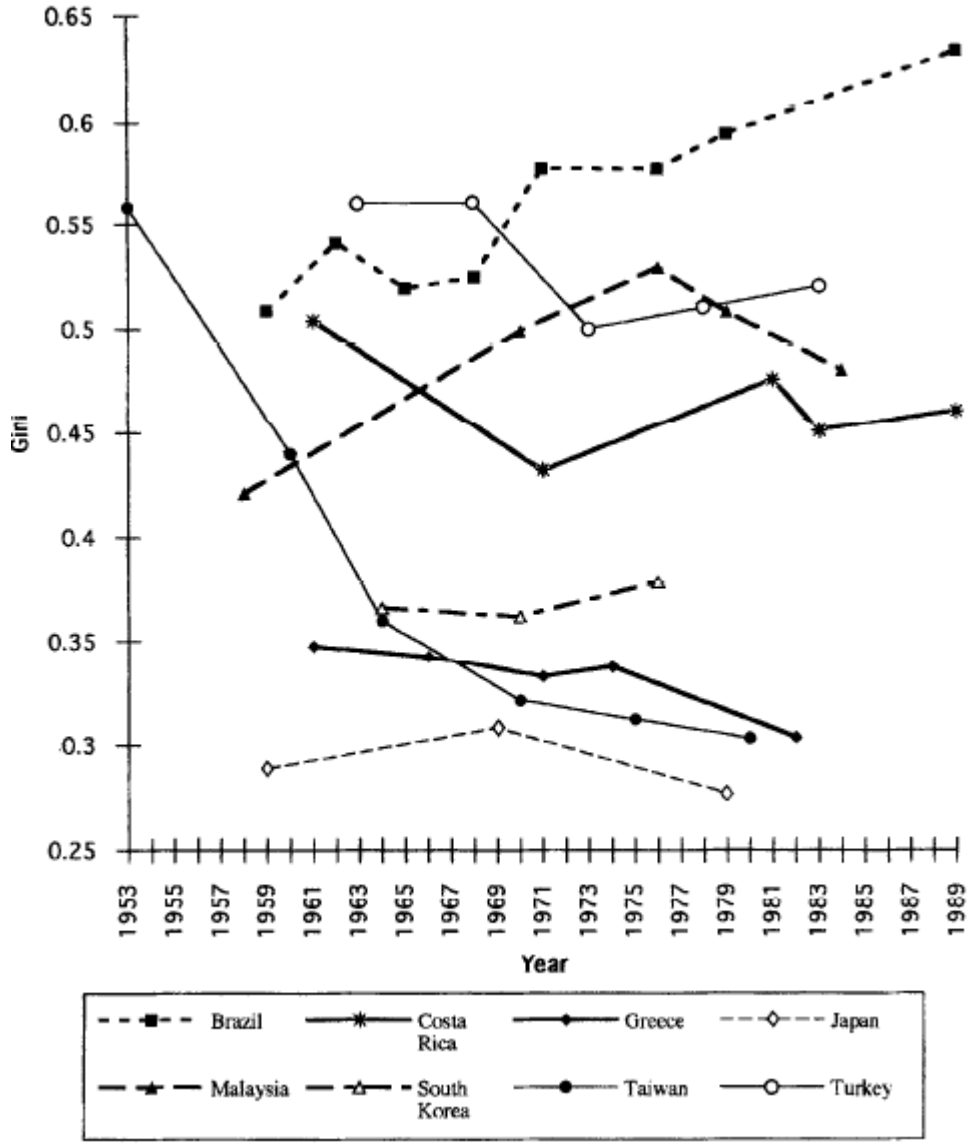

RGDP của Brazil năm 1980 gần như gấp đôi điểm ngoặt 1200 USD tiêu biểu cho đỉnh điểm của tình trạng bất bình đẳng, và hệ số Gini vẫn tiếp tục gia tăng cùng với tăng trưởng tăng thêm. Cho đến năm 1989, hệ số Gini ở mức đáng kinh ngạc là 0,6331. 20% dân số giàu nhất nhận được 66,5 % thu nhập quốc dân trong khi 40% dân số nghèo nhất chỉ nhận được con số ít ỏi 7%. Trường hợp của Brazil thách thức khả năng áp dụng hiệu ứng Kuznets cho các nước kém phát triển và là bằng chứng bi kịch đầy thuyết phục chống lại các chính sách dựa vào điểm ngoặt.

(b) Costa Rica

Costa Rica năm 1950 là một nước không theo chủ nghĩa quân bình, nghèo tài nguyên, và đang lâm vào cảnh đói nghèo từ cuộc nội chiến tàn khốc năm 1948.[13] Trong khi tăng trưởng kinh tế của Costa Rica giai đoạn 1950-1980 thấp hơn các nước khác trong nghiên cứu này, so với các nước láng giềng Trung Mỹ, đất nước này thật đáng ganh tỵ: RGDP của Costa Rica đứng thứ ba (trong số 6 nước) vào năm 1950 và tăng lên trở thành đứng đầu vào năm 1980. Tăng trưởng kinh

tế đi kèm với những cải thiện có ý nghĩa nhưng chỉ đạt mức vừa phải về qui mô phân phối thu nhập. Mối quan hệ giữa tình trạng bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế ở Costa Rica là như thế nào và nguyên nhân của bất kỳ sự thay đổi có ý nghĩa nào trong phân phối thu nhập là gì?

Bảng 3. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Costa Rica

RGDP* (USD)	1.180	1.601	1.845	2.039	2.056
Gini**	0,504	0,432	0,451	0,4604	0,4754
Tỷ phần thu nhập của 20% dân số giàu nhất	60%	50,6%	51,8%	50,8%	51,4%
Năm	1961	1971	1983	1989	1981

* RGDP là thu nhập thực đầu người tính theo USD năm 1975 từ nghiên cứu của Summers và Heston. Năm cuối cùng có số liệu là năm 1980. Với năm 1981, 1983, và 1989, số liệu tăng trưởng kinh tế từ *Statistical Abstract of Latin America (Tóm tắt thống kê châu Mỹ Latin)*, tập 30, trang 1244-1247 được áp dụng cho RGDP năm 1980 từ Summer và Heston.
** Nguồn: Gonzales-Vega (1993), trang 46; Psacharopoulos và những người khác (1993), trang A315–A316.

Số liệu sẵn có cho thấy rằng tình trạng bất bình đẳng thu nhập hộ gia đình đo bằng hệ số Gini giảm đáng kể khi RGDP tăng từ 1180 USD lên 1601 USD, rồi sau đó tăng nhẹ cùng với sự tăng trưởng tiếp tục của thu nhập đầu người. Mối quan hệ giữa hệ số Gini và RGDP được lập biểu đồ trong hình 1 và giữa hệ số Gini và thời gian (năm) được biểu thị trong hình 2. Đáng chú ý nhất, tỷ phần thu nhập của 20% dân số giàu nhất trong tổng thu nhập quốc dân giảm từ 60% xuống 50,6% rồi sau đó tương đối ổn định. Nếu chỉ nhìn vào hai quan sát đầu tiên, bằng chứng cho thấy sự hỗ trợ mơ hồ cho giả thiết hiệu ứng hình chữ U ngược và điểm ngoặt. Đáng tiếc thay, số liệu không có sẵn cho những năm 1950-60 khi RGDP của Costa Rica tăng từ 819 USD lên 1180 USD. Có thể trước năm 1961, tình trạng bất bình đẳng không thấp hơn một cách có ý nghĩa so với hệ số Gini 0,504, vì "vào năm 1961, tình trạng bất bình đẳng tương đối vừa phải ở Costa Rica" (Gonzalez Vega và Cespedes, 1993, trang 45). Không có bằng chứng gì và cũng không có đề xuất của các chuyên gia quốc gia cho rằng tình trạng bất bình đẳng thu nhập đã tăng lên trong giai đoạn trước năm 1961. Thậm chí nếu do chưa chắc chắn nên ta không bác bỏ hiệu ứng Kuznets và chấp nhận tình trạng bất bình đẳng gia tăng cho đến năm 1961, mô thức của Costa Rica trong suốt quá trình tăng trưởng sẽ là một đường cong hình chữ U ngược gắn liền với một chữ U bình thường, trong đó ba hệ số Gini liên tiếp tăng lên khi tăng trưởng tiếp tục sau mức thu nhập 1.601 USD.[14] Nếu ta xem xét tình trạng bất bình đẳng của Costa Rica theo thời gian (xem hình 2), ta thấy một mô thức dao động của bất bình đẳng ở mức vừa phải.

Trong nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới về công bằng và tăng trưởng ở Costa Rica, Gonzalez Vega và Cespedes bác bỏ xu hướng chữ U ngược:

> Người ta quan sát thấy tình trạng bất bình đẳng thu nhập vừa phải, và đói nghèo giảm đáng kể trong hầu hết khoảng thời gian 1950-85. Việc giảm nghèo được thực hiện bởi các chương trình viện trợ hữu hiệu dành cho những thành phần nghèo khổ và khó khăn khác. Như vậy, Costa Rica là một ví dụ về tăng trưởng đi cùng với công bằng (1993), trang 126.

Khía cạnh quan trọng thứ hai đối với phân tích vi mô về Costa Rica là việc bổ sung nguyên nhân của những thay đổi rõ ràng về tình trạng bất bình đẳng, như sự giảm sút đáng kể hệ số Gini từ

0,504 xuống 0,432. Tăng trưởng kinh tế nhanh chóng có thể là một yếu tố quan trọng, vì GNP tăng trưởng với tỉ lệ hàng năm 6,5% trong thời kỳ này (Seligson, 1987, trang 180). Tuy nhiên, các chuyên gia quốc gia cũng nêu lên các yếu tố chính trị. Căn cứ theo Winson (1989), những hạt giống thành công tương đối của Costa Rica đã được gieo trồng vào những năm ngay sau cuộc nội chiến 1948, khi một liên minh các nhà "hiện đại hóa" thông thái dưới sự lãnh đạo của vị anh hùng chiến tranh José Figueres xây dựng một nhà nước phúc lợi dân chủ xã hội theo kiểu châu Mỹ Latinh. Khác với Brazil, cấu phần then chốt của khung thể chế này là một nhà nước chủ trương can thiệp và đẩy mạnh công bằng xã hội làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nhà nước này không hề chủ trương tái cơ cấu trên qui mô lớn (công bằng rồi tăng trưởng), mà đúng hơn, họ nhấn mạnh vào việc giảm nghèo, cải tiến giáo dục và phát triển xã hội. Sự ổn định của chuyển biến chính trị xã hội này một phần là do vị thế yếu đi của tập đoàn cà phê đầu sỏ về chính trị, đã mất quyền lực tương đối đáng kể trong thời kỳ đình đốn những năm 1930 và trong cuộc nội chiến. Ngoài ra, Figueres còn giải tán quân đội và chuyển ngân sách chi tiêu quốc phòng sang chi tiêu giáo dục và các chính sách xã hội có ảnh hưởng tích cực dài hạn đối với tăng trưởng kinh tế và công bằng (Bowman, 1993).

> Một trong những công cụ mạnh nhất trong tay chính phủ mà có thể phục vụ cho việc tái phân phối là cơ cấu thuế … Những tiến bộ đạt được ở Costa Rica là kết quả trực tiếp của các chính sách chính phủ vào thập niên 50 và 60 dẫn đến tăng gấp ba thu ngân sách từ thuế thu nhập (Seligson, 1987, trang 185).

Khi không phải chi tiêu tốn kém cho quân đội, nguồn thu thuế này dành để tài trợ cho các chương trình xã hội và giáo dục giúp đẩy mạnh công bằng xã hội. Vào năm 1976, 30% ngân sách được dành cho giáo dục so với chỉ có 7% bình quân trên toàn thế giới (Seligson, 1987, trang 182). Khi chi tiêu quốc phòng giảm từ 25% tổng chi tiêu quốc gia vào cuối thập niên 40 chỉ còn 2% vào năm 1958, tỷ trọng ngân sách dành cho các dịch vụ y tế và xã hội tăng từ 20% năm 1938 lên 45% năm 1958. Đến năm 1987, chỉ có 0,6% GDP được phân bổ cho quốc phòng trong khi hơn 20% GDP chi tiêu cho các dịch vụ xã hội (Proyecto Estado de Nacíon 1995, trang 67). Người ta ước lượng rằng thu nhập hiệu dụng của những người Costa Rica nghèo nhất đã tăng gấp đôi nhờ vào mức độ dịch vụ xã hội. Tám mươi phần trăm tất cả các dịch vụ xã hội có độ bao trùm rộng khắp, bao gồm chăm sóc y tế, bảo hiểm xã hội, và giáo dục (Proyecto Estado de Nacíon, 1995, trang 22). Tăng trưởng dịch vụ xã hội và các chương trình xoá nghèo giúp mức đói nghèo giảm ngay cả trong "thập niên bị đánh mất" 1980 khi RGDP suy giảm. Các chỉ báo xã hội cải thiện ngoạn mục đến mức tuổi thọ còn cao hơn so với nước Mỹ giàu có hơn nhiều.

Ngoài ra, nhìn chung nhà nước cũng thay thế bàn tay vô hình trong các quyết định tín dụng và đầu tư. Figueres nhanh chóng quốc hữu hoá các ngân hàng, cho rằng "hoạt động tiền tệ và tín dụng không được nằm trong những bàn tay tư nhân, còn hơn cả cấp nước và bưu điện (trích trong Honey 1994, trang 77). Bốn ngân hàng quốc doanh được sử dụng không những để thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn khuyến khích các hợp tác xã, xuất khẩu, và các chương trình xã hội. Thêm vào đó, hệ thống ngân hàng cho phép chính phủ thành lập hay mua lại nhiều ngành công nghiệp quan trọng nhất như điện lực, viễn thông, phân bón, xi măng, và chế biến dầu. Trong một ngân hàng quốc doanh, hệ số Gini về tín dụng giảm từ giữa 0,7 và 0,9 vào năm 1950-60 xuống còn 0,39 trong tín dụng thương mại và 0,41 trong tín dụng nông thôn vào năm 1987 (Proyecto Estado de Nacíon, 1995, trang 25).

Đây là một trường hợp thành công tuyệt vời chống lại đói nghèo và thành công vừa phải chống lại tình trạng bất bình đẳng. Costa Rica không tuân theo hiệu ứng chữ U ngược, mà đúng hơn, đất nước này thể hiện chữ U bình thường kể từ khi đạt đến điểm ngoặt Randolph và Lott. Các chuyên gia quốc gia kết luận rằng Costa Rica là một trường hợp tăng trưởng cùng với công bằng. Trong khi tăng trưởng thu nhập có thể là một yếu tố đóng góp cho thời kỳ giảm bất bình đẳng, các yếu tố chính trị và các biện pháp tái phân phối là những yếu tố nổi bật hơn trong trường hợp này.

> So với các nước đang phát triển khác có qui mô và nguồn lực tương tự, Costa Rica thật là ngoại lệ. Trong dài hạn, đất nước này có thể duy trì sự kết hợp phi thường giữa tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, cải thiện đáng kể mức sống, ổn định chính trị, và mối quan tâm sâu sắc đến việc tái phân phối rộng rãi những quả ngọt của sự tiến bộ và xoá nghèo (Gonzalez-Vega và Cespedes, 1993, trang 3).

(c) Hi Lạp

Trong thời gian nghiên cứu, RGDP của Hi Lạp tăng hơn 370% từ 905 USD năm 1950 lên 3.956 USD năm 1980. Thời kỳ tăng trưởng ngoạn mục này xảy ra sau thời kỳ chiến tranh, chiếm đóng, và thay đổi cơ cấu quyền lực của Hi Lạp (Spourdalakis, 1988, trang 18).

Hi Lạp tham gia Chiến tranh thế giới II vào năm 1940 rồi bị chiếm đóng và bị chia cắt bởi quân đội Bulgaria, Đức, và Ý cho đến mùa xuân năm 1941. Nhiều người trong giới thượng lưu, kể cả nhà vua và phần lớn các chính khách Tự do và cánh hữu phải chạy trốn đến Cairo. Mặt trận Tự do quốc gia, đội quân tiên phong của lực lượng kháng chiến, được thành lập bởi sự tập hợp các nhóm thuộc cánh tả, bao gồm Đảng Cộng sản và Đảng Dân chủ nhân dân. Với viện trợ của Anh và Mỹ, phe Tự do đã đánh bại cánh tả trong cuộc nội chiến đẫm máu 1946-49 (hơn 100.000 người Hi Lạp tử vong trong nội chiến, còn nhiều hơn số người bị giết trong Chiến tranh thế giới II) (Featherstone, 1987, trang 6). Trong những năm sau đó, tăng trưởng kinh tế mạnh vẫn được duy trì khá đều đặn, ngay cả trong khi tình hình chính trị vẫn không ổn định: Chính thể lập hiến bị lật đổ từ năm 1967-74 do nhóm nổi dậy quân sự.

Số liệu về phân phối thu nhập của Hi Lạp rất thưa thớt. Các hệ số Gini có sẵn được trình bày trong bảng 4, hình 1 và hình 2.

Bảng 4. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Hi Lạp

RGDP* (USD)	1.496	2.024	2.814	3.224	3.946*
Gini**	0,3475	0,3425	0,3325	0,3372	0,3034
Năm	1961	1966	1971	1974	1982

* Summers và Heston (1984). 3.946 USD là RGDP của năm 1980.

** Nguồn: Germidis và Negreponti Delivanis (1975, trang 170 cho các năm 1961, 1966, và 1971. Nguồn này cho hệ số Gini ròng và hệ số Gini gộp, sau đó được lấy giá trị bình quân ở đây, và cả hai hệ số Gini này đều giảm không đến 2% trong giai đoạn 1961-71; và Tsaklogou (1993), trang 64.

Hi Lạp có tình trạng bất bình đẳng thu nhập tương đối thấp trong suốt thời kỳ này. Căn cứ theo điểm ngoặt của Randolph và Lott, hệ số Gini sẽ gần lên đến đỉnh điểm vào khoảng năm 1961 khi RGDP bằng 1.491 USD. Tuy nhiên, bất chấp RGDP tăng hơn gấp đôi lên đến 3.224 USD, hệ số Gini vẫn ổn định, chỉ giảm 1% trong thời kỳ tăng trưởng này. Tuy số liệu của Hi Lạp không bao

trùm toàn diện, ta không tìm thấy sự hỗ trợ hiệu ứng Kuznets, và điểm ngoặt Randolph và Lott bị bác bỏ mạnh, cho dù không hoàn toàn dứt khoát.

Một vài yếu tố xem ra góp phần cho mức bất bình đẳng thu nhập thấp của Hi Lạp trong thời hậu Chiến tranh thế giới II. Thứ nhất, sự tàn phá của Chiến tranh thế giới II và cuộc nội chiến đã làm phá vỡ hệ thống ô dù bảo trợ cũ. Thứ hai, lượng di dân tăng từ 75.000 người năm 1960 lên đến 935.000 người năm 1976, giữ thất nghiệp ở mức thấp và gây áp lực tăng tiền lương (Featherstone, 1987, trang 12). Cuối cùng, các nhà nông, chiếm 40% dân số lao động năm 1971, không phải nộp thuế trực thu.

Các kết quả phân tích vi mô này đã được Germidis và Negreponti-Delivanis tóm tắt hay nhất: "Hi Lạp đã xoay xở để vượt qua giai đoạn phát triển quyết định mà không phải đụng độ với những áp lực nguy hiểm gây ra do tình trạng bất bình đẳng sâu sắc trong phân phối thu nhập" (1975, trang 199). Tuy bằng chứng không hoàn toàn dứt khoát, ta vẫn có thể kết luận hợp lý rằng Hi Lạp là một trường hợp tăng trưởng cùng với công bằng và không tuân theo hiệu ứng chữ U ngược rõ ràng khi Hi Lạp phát triển từ một nước kém phát triển lên trạng thái gần phát triển.

(d) Nhật Bản

Trong tất cả các trường hợp nghiên cứu chủ yếu, Nhật Bản trải qua tăng trưởng thu nhập ngoạn mục nhất trong thời gian nghiên cứu, với RGDP tăng từ 810 USD năm 1950 lên 5.996 năm 1980.[15] Trường hợp này có đủ số liệu và ý kiến của các chuyên gia để cho phép ta thực hiện việc phân tích vi mô có tính kết luận về mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế.

Cuộc Chiến tranh thế giới II đã phá huỷ hoàn toàn vị thế của giới thượng lưu chính trị, kinh tế, và xã hội ở Nhật Bản. Sau chiến tranh, Bộ Tư lệnh lực lượng đồng minh tối cao (SCAP) kiểm soát gần như toàn bộ mọi lĩnh vực của khu vực công. Trong một trong nhiều nỗ lực bãi bỏ nền chính trị đầu sỏ, năm 1948, SCAP ra lệnh mọi tá điền đều có thể mua đất mà họ vẫn canh tác cho các địa chủ thế lực trước đây với mức giá rất thấp. Sự tàn phá của chiến tranh, cải cách ruộng đất, và tỉ lệ lạm phát cao kết hợp lại đã xói mòn cơ sở kinh tế của người giàu ở Nhật Bản (Mizoguchi, 1985, trang 316). Do đó nói chung, người ta thừa nhận rằng thời kỳ 1950-80 bắt đầu bằng tình trạng bất bình đẳng thấp ở Nhật Bản. Tuy có những thay đổi nhẹ nhàng về phân phối thu nhập từ năm 1950, Nhật Bản có thể tăng trưởng qua toàn bộ chu kỳ phát triển mà không trải qua tình trạng bất bình đẳng cao.

Bảng 5. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Nhật Bản

RGDP* (USD)	1.484	3.672,5	5.829
Gini (WADA)**	0,3032	0,3188	
Gini (NFIE)	0,2747	0,2972	
Gini (WB)			0,277
Năm	1959	1968-69*	1979

* Summers và Heston (1984); RGDP năm 1968-69 là giá trị bình quân.

** Nguồn: NFIE từ Grootaert (1983), trang 34. Điều tra quốc gia về thu nhập và chi tiêu gia đình (National Survey of Family Income and Expenditures, NFIE) ước lượng tình trạng bất bình đẳng hơi thấp hơn thực tế vì cuộc điều tra

này chỉ khảo sát thời kỳ từ tháng 9 đến tháng 11 khi các khoản thanh toán tiền thưởng theo mùa không được bao gồm. Vì thế, số liệu NFIE và WADA không nhất quán với nhau. WADA từ Grootaert (1983), trang 34. WB từ Berry và những người khác (1991), trang 62.

Như thể hiện qua bảng 5, tình trạng bất bình đẳng được đo bằng hệ số Gini vẫn cực kỳ thấp trong những năm 1959-79. RGDP của Nhật Bản năm 1959 là 1.484 USD, mà căn cứ theo Randolph và Lott là phải ở gần đỉnh điểm của tình trạng bất bình đẳng. Tuy nhiên, hệ số Gini ở đâu đó giữa 0,302 và 0,2747. Ngay cả con số lớn hơn trong hai con số này cũng vẫn còn thấp hơn hệ số Gini khoảng năm 1985 của Na Uy, Thụy Điển, và Hoa Kỳ! Khi RGDP tăng từ 1.484 USD lên 5.829 USD, tình trạng bất bình đẳng vẫn gần hệt như cũ (hệ số Gini năm 1979 lấy từ bảng tính của Ngân hàng Thế giới suy ra từ 5 nhóm thu nhập và do đó hệ số Gini được ước lượng thấp hơn thực tế khoảng 1-2 phần trăm).

Một số yếu tố chính trị và kinh tế xã hội có thể giúp giải thích lý do khiến Nhật Bản có tình trạng bất bình đẳng thấp trong thời kỳ sau chiến tranh. Đầu tiên và trên hết là sự tàn phá của chiến tranh và hoạt động chính trị của Bộ Tư lệnh Lực lượng đồng minh tối cao, và nổi bật nhất là cuộc cải cách ruộng đất sâu rộng. Boltho (1975) nêu lên sự kiện gần như không có các dân tộc thiểu số, dân di cư, và người già sống cô đơn là những lý do của sự thành công tăng trưởng đi kèm với công bằng của Nhật Bản; ba thành phần dân số này làm thành tập hợp người nghèo tại nhiều nước.

> Xu hướng phân phối thu nhập của Nhật Bản xem ra đã kết hợp "những yếu tố tốt đẹp nhất của cả hai thế giới"… ít nhất là một phần nào đó, Nhật Bản xem ra đã tránh được tình trạng tiến thoái lưỡng nan của việc hài hoà giữa công bằng và hiệu quả mà nhiều quốc gia đang phát triển ngày nay phải đương đầu (Boltho, 1975, trang 183).

Phân tích vi mô về Nhật Bản mang lại cho ta sự ủng hộ vững chắc chống lại giả thiết chữ U ngược và chính sách điểm ngoặt.

(e) Malaysia

Như thể hiện qua hình 1 và hình 2, mô thức phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế của Malaysia cho thấy hình chữ U ngược rõ ràng. Đỉnh điểm tương đối gần với điểm ngoặt 1200 USD đề xuất. Vậy trường hợp Malaysia giúp xác nhận hiệu ứng Kuznets cho các nước kém phát triển và đề xuất điểm ngoặt của Randolph và Lott? Số liệu của trường hợp này được trình bày trong bảng 6.

Bảng 6. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Malaysia

RGDP* (USD)	787,5	1.242	1.638	1.856	2.584**
Gini***	0,421	0,499	0,529	0,508	0,480
Năm	1957-58	1970	1976	1979	1984

* Summers và Heston (1984). RGDP năm 1957-58 là giá trị bình quân.
** Ước lượng từ RGDP năm 1980 theo Summers và Heston và tăng trưởng 1980-84 từ nghiên cứu của Bruton (1992), trang 388.
*** Nguồn: Bruton (1992), trang 270.

Hình 1 và hình 2 trình bày mô thức phát triển rất tương tự của Brazil và Malaysia cho đến năm 1976, với tình trạng bất bình đẳng nhiều hơn đi kèm với gia tăng RGDP trong cả hai trường hợp. Bắt đầu vào năm 1976, diễn tiến của hai nước bắt đầu phân hoá; tình trạng bất bình đẳng của Brazil tiếp tục gia tăng trong khi Malaysia giảm mạnh hệ số Gini. Chẳng lẽ hiệu ứng Kuznets hoàn toàn bất lực ở Brazil lại có thể tạo ra tăng trưởng công bằng ở Malaysia? Tôi cho rằng hiệu ứng Kuznets không được xác nhận bởi trường hợp Malaysia. Mà đúng hơn, trường hợp Malaysia, đặc biệt là khi để cạnh trường hợp Brazil, hỗ trợ cho các chính sách tái phân phối.

Trong thời kỳ sau khi giành được độc lập, chính sách kinh tế của Malaysia khá tương tự như của Brazil. Chính phủ cung cấp các dịch vụ cơ bản, xây dựng các khu công nghiệp và các động cơ khuyến khích tài chính để thu hút đầu tư, và chỉ có sự bảo hộ hạn chế dành cho các ngành công nghiệp địa phương hiện hữu. Chính sách tái phân phối thu nhập của Malaysia hoàn toàn dựa vào thị trường tự do và tái phân phối hình thành từ tăng trưởng (Bowie 1991). Tăng trưởng kinh tế nhanh chóng qua thập niên 60 dẫn đến tình trạng bất bình đẳng thu nhập gia tăng nói chung và bất bình đẳng giữa hai nhóm sắc tộc chính, người Mã Lai và người Malaysia gốc Hoa. Năm 1970, thu nhập trung bình của một hộ gia đình người Mã Lai không bằng một nửa thu nhập trung bình hộ gia đình người Malaysia gốc Hoa (Bruton, 1992, trang 272). Chỉ có 26% người Mã Lai có thu nhập hơn 48 USD một tháng so với 67% người gốc Hoa (Bowie, 1991, trang 81). Người Mã Lai chiếm 50% dân số chỉ sở hữu 1,5% vốn cổ phần trong các công ty trách nhiệm hữu hạn đại chúng (Bowie, 1991, trang 80). Trong những năm 1958-70, hệ số Gini chung tăng từ 0,421 đến 0,499 và gần như không có lý do gì để kỳ vọng sự cải thiện trong tương lai gần.

Trong bài báo năm 1990, Randolph xem xét "quá trình Kuznets ở Malaysia" trong giai đoạn 1968-76. Thời kỳ này được chọn để kiểm nghiệm điểm ngoặt theo dự đoán của Ahluwalia, mà Malaysia đã đạt được vào năm 1970. "Các kết quả cho thấy xu hướng hình chữ U bình thường về tình trạng bất bình đẳng, chứ không phải chữ U ngược" (trang 20). Sau khi kiểm nghiệm trình độ năng suất khu vực, Randolph kết luận rằng "giai đoạn công bằng xem ra đã đến chậm. *Khi không có sự can thiệp,* quá trình Kuznets sẽ tiếp tục làm tăng tình trạng bất bình đẳng trong một thời gian" (1990, trang 27, phần nhấn mạnh là của tôi).

Sự can thiệp trên qui mô lớn đã xảy ra và tình trạng bất bình đẳng giảm xuống. Căn cứ theo kết luận của Randolph, sự giảm bất bình đẳng này không phải xảy ra do hiệu ứng Kuznets mà đúng hơn là đã xảy ra bất chấp quá trình Kuznets. Cam kết để cho phân phối thu nhập xảy ra tự nhiên trong quá trình tăng trưởng của Malaysia đã sụp đổ với những cuộc bạo loạn vào tháng 5-1969 dẫn đến 196 quan chức thiệt mạng và 6.000 người tị nạn (Bruton, 1992, trang 268). Hiến pháp và quốc hội bị đình chỉ và một lực lượng đặc nhiệm được thành lập để tìm giải pháp cho các mối căng thẳng sắc tộc. Phản ứng chính của chính phủ trước các cuộc bạo loạn này là Chính sách kinh tế mới (NEP) công bố vào năm 1971. Người ta lập luận rằng sự thống nhất đất nước sẽ "không thể đạt được nếu không có bình đẳng và công bằng giữa các nhóm sắc tộc và xã hội ở Malaysia… và đẩy mạnh tái cơ cấu xã hội Malaysia để điều chỉnh tình trạng mất cân đối kinh tế (trích trong nghiên cứu của Bowie, 1991, trang 90). Lãnh đạo chính phủ đồng ý mang lại thu nhập tương đối gia tăng cho người Mã Lai thông qua mở rộng ổ bánh (tái phân phối với tăng trưởng) chứ không phải bằng cách lấy từ giới thượng lưu kinh tế.

Trong phiên bản chủ nghĩa nhị nguyên khu vực của Malaysia, tình trạng bất bình đẳng chung bằng bất bình đẳng trong nội bộ nhóm sắc tộc cộng với bất bình đẳng giữa các nhóm sắc tộc. Khi

các chính sách được thực hiện theo tư tưởng Chính sách kinh tế mới giúp giảm đáng kể tình trạng bất bình đẳng giữa "các khu vực", tình trạng bất bình đẳng chung bắt đầu giảm đều sau năm 1976. Tìm đọc tài liệu mô tả toàn diện các chính sách tái phân phối thu nhập của chính phủ và các trường hợp thành công cũng như thất bại trong nghiên cứu của Anand (1983), Bowie (1991), và Bruton (1992). Các chính sách kinh tế mới nhằm giảm bất bình đẳng bao gồm: các mục tiêu công bố về lợi ích của người Mã Lai trong việc làm và sở hữu; các qui định như bất kỳ công ty nào tìm kiếm sự nâng đỡ của chính phủ như thời gian miễn thuế phải tuyển dụng ít nhất 30% người Mã Lai ở mọi cấp độ việc làm (Bowie, 1991, trang 94); các chương trình nhằm xây dựng và tài trợ cho tinh thần kinh doanh của người Mã Lai; thành lập vô số doanh nghiệp nhà nước mà sau đó được chuyển giao cho người Mã Lai; một chương trình đầy tham vọng để tăng sở hữu cổ phần công ty của người Mã Lai; và sự gia tăng việc làm chính phủ từ 397.000 việc làm năm 1970 lên 710.000 năm 1980 (Bruton, 1992, trang 289). Vai trò của nhà nước gia tăng cùng với việc công bố thành lập Công ty Công nghiệp nặng Malaysia (HICOM) với sự đầu tư của chính phủ vào những năm 1981-86 gần bằng "toàn bộ ngân sách phát triển của chính phủ dành cho tất cả các chương trình xã hội, bao gồm giáo dục, y tế, phúc lợi và nhà ở" (Bowie, 1991, trang 111). HICOM tìm kiếm các dự án đầu tư và liên đoanh trong ngành sắt thép, xi măng, ô tô và các ngành công nghiệp quan trọng khác một phần để tăng cường sự tham gia của người Mã Lai trong các công việc trả lương cao. Tuy cũng có một số người lập luận rằng đầu tư tái cơ cấu của chính phủ mang lại quá ít kết quả ứng với giá trị đầu tư, rõ ràng người Mã Lai đã đạt được những lợi ích đáng kể về sở hữu, việc làm và thu nhập.

Thêm vào đó, hàng tỷ USD đã được chi tiêu cho các chương trình xoá nghèo bên cạnh việc tái cơ cấu (9,3 tỷ USD chỉ trong những năm 1980-85), nhìn chung là trong khu vực nông nghiệp nông thôn (Bruton, 1992, trang 275-283). Trong sản xuất dầu cọ và cao su, năng suất được cải tiến với công nghệ và các dự án thuỷ lợi. Trong khi một số nhà quan sát ghi nhận công lao tái cơ cấu của chính phủ đã mang lại những thành công về tái phân phối thu nhập của Malaysia, Anand (1983) lập luận rằng các chương trình xóa nghèo đã mang lại một tác động đối với phân phối thu nhập to lớn hơn so với chương trình giảm bất bình đẳng giữa các nhóm sắc tộc. Đối với bài viết này, vấn đề chương trình nào trong hai chương trình này có tác động to lớn hơn đối với bất bình đẳng thu nhập thì không quan trọng, hình dạng chữ U ngược của Malaysia là kết quả của hoạt động chính trị và sự can thiệp của chính phủ chứ không phải của tăng trưởng kinh tế.

(f) Hàn Quốc

Năm 1953, Hàn Quốc là nước nghèo nhất trong tất cả các trường hợp nghiên cứu chính của chúng ta; RGDP năm 1953 của Hàn Quốc bằng 598 USD thấp hơn RGDP năm 1953 của bất kỳ nước nào ở Tây bán cầu, kể cả Haiti. Từ 1953-80, RGDP của Hàn Quốc tăng vọt lên 2.007 USD, mức tăng hơn 230%. Hàn Quốc là một trường hợp tuyệt vời cho nghiên cứu này, vì số liệu phân phối thu nhập có sẵn cho tất cả các giai đoạn phát triển quan trọng cần thiết để kiểm nghiệm giả thiết chữ U ngược và điểm ngoặt.

Hàn Quốc bước vào thời kỳ hậu Chiến tranh thế giới II như một xã hội khá đồng nhất, tương đối linh hoạt. Sự thống trị thuộc địa của Nhật Bản góp phần cho "sự phân chia ranh giới yếu đi nhiều giữa các tầng lớp xã hội" (Adelman và Robinson, 1978, trang 37). Xã hội Hàn Quốc có nhiều điểm không nhất quán. Ví dụ, trong khi tình trạng đói kém là thường xuyên và nạn đói là phổ biến, xấp xỉ 50% trẻ em Hàn Quốc được phổ cập giáo dục tiểu học (trang 37-38).

Ngay sau Chiến tranh thế giới II, Hàn Quốc trải qua một vài thời kỳ tái phân phối đất đai đại trà. Vào lúc đó, cứ bốn người dân Hàn Quốc thì có đến ba người làm nông nghiệp. Trong một nỗ lực đập tan thế lực của các liên minh Nhật Bản trong quá khứ và tiềm tàng trong tương lai, lực lượng Hoa Kỳ tịch thu khoảng 500.000 hecta đất và bán lại cho 700.000 tá điền vào năm 1947 (Adelman và Robinson, 1978, trang 38). Người Hàn Quốc cũng nghi ngờ chế độ chiếm hữu ruộng đất, do sự cáo buộc hợp tác với người Nhật, và vì thế họ đã dựng lên giai đoạn hai của cải cách ruộng đất vào năm 1950.

> Với cuộc cải cách này, trong đó chính phủ tiếp quản tài sản của địa chủ với mức đền bù danh nghĩa và phân phối đất cho khoảng 900.000 hộ gia đình nông dân, chế độ tá điền làm thuê nộp tô gần như bị xoá bỏ, và một cơ cấu bao gồm những trang trại rất nhỏ do chủ sở hữu khai thác được hình thành. Giới hạn ba *cheongbo* (khoảng 3 hecta đất trồng lúa) được ban hành, nhưng trên thực tế rất ít có hộ gia đình nào (không đến 1 phần trăm) đạt đến giới hạn này (Adelman và Robinson, 1978, trang 39-40).

Cuộc chiến tranh Hàn Quốc đã mang lại đợt tấn công lần thứ ba vào nền chính trị đầu sỏ và san bằng thu nhập. Hàn Quốc bước vào thập niên 50 với hoàn cảnh như sau: trình độ giáo dục tương đối cao; đói nghèo cùng cực; phân phối thu nhập tương đối quân bình; và những hoài bão cũng như nỗ lực mạnh mẽ còn nén lại trong người dân Hàn Quốc từng bị bóc lột bởi người Nhật, bị cướp bóc bởi hai cuộc chiến tranh, và bị thống trị bởi tình trạng giám hộ.

Trước nghiên cứu bước ngoặt của Adelman và Robinson vào năm 1978 về Hàn Quốc, không có những số liệu có thể chấp nhận được về phân phối thu nhập của đất nước này. Adelman và Robinson ghép vào với nhau "những mảnh bằng chứng manh mún" và xây dựng số liệu phân phối thu nhập cho năm 1964 và 1970. "Phân phối thu nhập thu được theo cách này cũng tái lập được tình trạng phân phối thu nhập đạt được từ những số liệu toàn diện và chi tiết hơn một cách rất gần gũi…" (trang 45). Số liệu phân phối thu nhập năm 1976 lấy từ nghiên cứu của van Ginneken và Park (1984).

Hàn Quốc là một trường hợp xuất sắc để ta xem xét hiệu ứng Kuznets và điểm ngoặt Randolph và Lott vì ta có một quan sát ứng với RGDP thấp hơn nhiều so với đỉnh điểm đề xuất qua hệ số Gini, một quan sát gần với đỉnh điểm này, và một quan sát cao hơn nhiều so với điểm ngoặt. Khi Hàn Quốc tăng trưởng qua chu kỳ này, hệ số Gini vẫn duy trì tương đối ổn định, thể hiện mô thức hình chữ U thông thường không đáng kể.

Như vậy, trong trường hợp Hàn Quốc, ta có một trường hợp trải qua chu kỳ phát triển đáng kể mà không có sự thay đổi đáng kể về tình trạng bất bình đẳng. Chính sách của Hàn Quốc trong thời kỳ này rõ ràng dựa vào chiến lược "tái phân phối cùng với tăng trưởng". Phân tích vi mô này đã được Adelman và Robinson tóm tắt hay nhất:

> Thứ nhất, đất nước đã thể hiện kết quả tăng trưởng phi thường. Thứ hai, đất nước đã theo đuổi một chiến lược công nghiệp hoá định hướng xuất khẩu, và vì thế tránh được phần nào hậu quả tiêu cực về phân phối thu nhập của sự tăng trưởng dựa vào thay thế nhập khẩu. Thứ ba, đất nước kết hợp một chiến lược phát triển thâm dụng nguồn nhân lực với một nền dân số biết chữ, có trình độ giáo dục cao. Thứ tư, nhìn chung do cuộc chiến tranh Hàn Quốc, quá trình gia tốc tăng trưởng bắt đầu từ sự phân phối của cải tương đối quân bình. Thứ năm, theo các tiêu chuẩn quốc tế, phân phối thu nhập hiện nay ở Hàn Quốc khá tốt. Và cuối cùng, số liệu rất tốt (1978, trang 11).

Bảng 7. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Hàn Quốc

RGDP* (USD)	698	1.112	1.648
Gini	0,366	0,362	0,378
Năm	1964	1970	1976

* Summers và Heston (1984).

(g) Đài Loan

Đài Loan từ lâu đã được báo trước là một nước kém phát triển khác thường, không trải qua sự gia tăng gần như tất yếu về tình trạng bất bình đẳng thu nhập dạng chữ U ngược. Như Fei và những người khác nhận xét trong nghiên cứu bước ngoặt của họ, *Tăng trưởng với công bằng: Trường hợp của Đài Loan,* "Đài Loan là một ngoại lệ" của mối quan hệ chữ U ngược giữa tăng trưởng và bất bình đẳng (1979, trang 2).[16]

Đài Loan, cũng như Hàn Quốc, là một thuộc địa của Nhật Bản thời trước chiến tranh. Việc phân phối đất đai trong thời thuộc địa cực kỳ thiên lệch, với 40% hộ gia đình nông nghiệp chỉ sở hữu không đến 10% đất đai trong khi 2% giàu nhất sở hữu hơn 33%. Thêm vào đó, người Nhật sở hữu 25% đất canh tác (Fei và những người khác, trang 40). Chiến tranh thế giới II và cuộc cách mạng Trung Quốc đã đốn ngã nền chính trị đầu sỏ ở Đài Loan và chuẩn bị cho cải cách ruộng đất sâu rộng.

> Quá khứ chiếm hữu ruộng đất và mong muốn đáp ứng nhu cầu lương thực của người Đài Loan sau chiến tranh – mà ngoài dân số riêng gia tăng, còn bao gồm hàng trăm nghìn người Trung Hoa lục địa – đã đặt nền móng cho cải cách. Ngoài ra, nguyên tắc đất đai được sở hữu bởi người dân cày, cho dù không bao giờ được chú ý nhiều, luôn luôn là một phần trong ý thức hệ của chủ nghĩa dân tộc Trung Hoa. Tình trạng không còn quan hệ với lục địa và xáo trộn xã hội đe doạ Đài Loan làm cho việc tái phân phối của cải trở thành một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với chính phủ. Cải cách ruộng đất cũng được xem là một cấu phần thiết yếu của tăng trưởng nông nghiệp và khôi phục kinh tế. Hơn nữa, việc cải cách đó có thể được ban hành bởi một chính phủ tự do không phụ thuộc vào các nghĩa vụ và ràng buộc với giai cấp chủ đất (Fie và những người khác, 1979, trang 39).

Trong suốt giai đoạn 1948-58, 78% đất canh tác được bán cho người dân cày với giá bán bằng 2,5 lần giá trị sản lượng hoa màu hàng năm (Fei và những người khác, 1979, trang 40). Ảnh hưởng của việc phân phối ruộng đất đối với bất bình đẳng thật ấn tượng, như thể hiện qua sự thay đổi tình trạng bất bình đẳng từ năm 1953 đến 1959-60 trong bảng 8. Tôi cho rằng nếu số liệu có sẵn cho Hàn Quốc và Nhật Bản trong thời kỳ ngay sau chiến tranh này, ta sẽ thấy xu hướng tương tự như nhau do cải cách ruộng đất sâu rộng như nhau và sự thay đổi chính thể đầu sỏ truyền thống.

Bảng 8. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Đài Loan

RGDP* (USD)	607	719	893	1.298	1.755	2.522
Gini*	0,558	0,440	0,360	0,321	0,312	0,303
Năm	1953	1959-60	1964	1970	1975	1980

* Summers và Heston (1984).
** Nguồn: Kuo (1989), trang 241.

Như trình bày trong bảng 8, hình 1 và hình 2, tình trạng bất bình đẳng thu nhập của Đài Loan tương đối cao vào năm 1953 và giảm đáng kể trong giai đoạn 1953-80. Phần lớn sự tụt giảm này xảy ra vào những năm 1953-64, trong thập niên sau khi kết thúc chương trình cải cách ruộng đất.

Trong thời kỳ này, RGDP tăng trưởng từ 607 USD lên 893 USD, mức thấp đáng kể so với điểm ngoặt Randolph và Lott. Tình trạng bất bình đẳng thu nhập chỉ giảm vừa phải khi RGDP tăng từ 893 USD lên 2.522 USD. Đài Loan là một trường hợp không thể tranh cãi được về công bằng rồi đến tăng trưởng. Hiệu ứng Kuznets và điểm ngoặt không thể hiện trong trường hợp này.

(h) Thổ Nhĩ Kỳ

Thổ Nhĩ Kỳ gánh chịu sự xáo trộn và tàn phá khốc liệt trong Chiến tranh thế giới I và sau cuộc chiến giành độc lập. Tổng dân số giảm 10% trong giai đoạn 1914-24 (Hansen, 1991, trang 309). Thời kỳ chiến tranh lan rộng vẫn ám ảnh nặng nề lên ký ức chung của người Thổ Nhĩ Kỳ trong những năm sau này và đất nước giữ thái độ trung lập trong Chiến tranh thế giới II. Trong khi tổn thất kinh tế của Chiến tranh thế giới II khá cao, người Thổ Nhĩ Kỳ không gánh chịu sự tàn phá về nông nghiệp và công nghiệp thời hậu chiến tranh như Hi Lạp, Nhật Bản, Hàn Quốc hay Đài Loan. Thêm vào đó, chính sách kinh tế can thiệp của Mustafa Kemal (Kemalist Etatism) không chủ trương đẩy mạnh các chương trình tái phân phối đại trà của chính phủ (Hansen, 1991; Ozbudun và Ulusan, 1980). Do đó, những thay đổi trong phân phối thu nhập có thể là kết quả của các lực kinh tế.

Số liệu phân phối thu nhập của Thổ Nhĩ Kỳ có chất lượng rất kém.[17] Tuy nhiên, trường hợp này được bao gồm vì số liệu có thể được lý giải để hỗ trợ cho điểm ngoặt của Randolph và Lott. Những số liệu có sẵn được trình bày trong bảng 9, hình 1 và hình 2.

Bảng 9. Phân phối thu nhập hộ gia đình ở Thổ Nhĩ Kỳ

RGDP* (USD)	1.152	1.342	1.586	1.893	1.940**
Gini***	0,56	0,56	0,50	0,51	0,52
Năm	1963	1968	1973	1978	1983

* Summers và Heston (1984).
** Ước lượng.
*** Nguồn: Hansen (1991), trang 276.

Số liệu này cho thấy hệ số Gini giảm từ 0,56 xuống 0,50 khi RGDP tăng từ 1.342 USD lên 1.586 USD. Hệ số Gini vẫn tương đối ổn định khi RGDP tiếp tục tăng đến 2.140 USD. Sự sụt giảm hệ số Gini tương ứng khá sít sao với điểm ngoặt Randolph và Lott. Chúng ta có ít bằng chứng từ các nghiên cứu điều tra hay từ các chuyên gia quốc gia về xu hướng bất bình đẳng trước khi RGDP đạt được 1.152 USD. Bằng chứng hiện có hỗ trợ cho hiệu ứng Kuznets hình chữ U ngược trong trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ.

Một trong những cấu phần chính của hiệu ứng Kuznets là thuyết nhị nguyên khu vực giữa nông nghiệp và công nghiệp (tìm đọc nghiên cứu của Lecaillon và những người khác 1984; Nielsen, 1994). Dervis và Robinson (1980) xem xét thuyết nhị nguyên khu vực ở Thổ Nhĩ Kỳ trong giai

đoạn 1950-73. Họ đo lường cái mà họ gọi là tỷ số K (đặt theo tên Kuznets), tỷ số này bằng (I + S)/A, trong đó A là năng suất của mỗi lao động trong nông nghiệp (agriculture), I là năng suất của mỗi lao động trong công nghiệp (industry) và S là năng suất của mỗi lao động trong hoạt động dịch vụ và thương mại (services). Tỷ số K càng cao, tình trạng bất bình đẳng kỳ vọng trong phân phối thu nhập càng lớn. Dervis và Robinson nhận thấy rằng tỷ số K của Thổ Nhĩ Kỳ cực kỳ cao vào giai đoạn 1950-73, tăng từ 3,57 vào năm 1950 lên mức cao 5,09 năm 1968 rồi sau đó giảm xuống 4,26 vào năm 1973. Các tác giả kết luận rằng cho đến "cuối thập niên 60, một xu hướng tiến tới giảm bất bình đẳng liên khu vực xem ra tự khẳng định" (1980, trang 120). Bằng chứng này kết hợp với hệ số Gini giảm từ 1968-73 – ngay cả nếu số liệu có chất lượng kém – làm cho Thổ Nhĩ Kỳ trở thành một trường hợp xác nhận yếu, có tính chất thăm dò cho giả thiết điểm ngoặt Randolph và Lott cũng như hiệu ứng chữ U ngược. Cho dù tăng trưởng RGDP tiếp tục sau năm 1973 đi kèm với sự tăng nhẹ hệ số Gini, cho đến số liệu gần đây hơn, tôi vẫn phân loại Thổ Nhĩ Kỳ là một trường hợp hỗ trợ vừa phải cho hiệu ứng chữ U ngược và điểm ngoặt.

5. KẾT LUẬN

Hơn 2.500 năm trước đây, Khổng Tử từng nhận định "Người ta than khóc cho tình trạng bất bình đẳng còn nhiều hơn là cho tình trạng khan hiếm." Trong khi tình trạng khan hiếm đã được khắc phục trong phần lớn thế giới hiện đại và các kệ chất đầy hàng hoá từ Tegucigalpa cho đến Calcutta, vấn đề bất bình đẳng vẫn còn tồn tại. Bốn mươi năm trước đây, Kuznets đề xuất rằng bất bình đẳng thu nhập thoạt tiên gia tăng rồi sau đó giảm xuống khi các nước phát triển kinh tế. Các nghiên cứu so sánh theo quốc gia trước đây xác nhận giả thiết chữ U ngược của Kuznets, và đối với nhiều nước, một hệ tư tưởng đã được xây dựng. Những nghiên cứu khác nghi ngờ hiệu ứng chữ U ngược và sự tranh cãi phát sinh về việc liệu sau cùng tình trạng bất bình đẳng có giảm hay không. Randolph và Lott (1993) xác nhận hiệu ứng này đối với các nước đang phát triển và trình bày "điểm ngoặt" trong quá trình phát triển được đo lường bằng RGDP; khi một đất nước đạt đến điểm ngoặt này, tình trạng bất bình đẳng sẽ giảm xuống đi kèm với sự tăng trưởng kinh tế tiếp theo.

Trong bài viết này, tôi trình bày những nhận định chỉ trích của các nghiên cứu thống kê theo dữ liệu chéo để đánh giá hiệu ứng Kuznets chữ U ngược cho các nước kém phát triển. Sử dụng những bài viết ban đầu của Kuznets làm thiết kế cơ bản, tôi trình bày một phương pháp khác để kiểm nghiệm hiệu ứng chữ U ngược và điểm ngoặt cho những nước phát triển trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới II. Tám trường hợp nghiên cứu chủ yếu, đều là những nước nghèo vào thập niên 50 và tăng trưởng đến mức thu nhập vượt xa điểm ngoặt đề xuất vào năm 1980, được chọn để phân tích vi mô theo chiều dọc. Đây là những trường hợp mà, *nếu* điểm ngoặt 1200 USD là đúng, thì sẽ thể hiện một mối quan hệ hình chữ U ngược rõ ràng.

Các bằng chứng đã thách thức hiệu ứng Kuznets ở các nước kém phát triển và đặt nghi vấn về việc áp dụng chính sách "điểm ngoặt." Trong nghiên cứu bước ngoặt của Kuznets, cả ba trường hợp phát triển trước Chiến tranh thế giới II đều cho thấy mối quan hệ hình chữ U ngược rõ ràng. Ngược lại, trong tám trường hợp nghiên cứu chủ yếu sau năm 1950 của chúng ta, chỉ có Malaysia thể hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập có hình chữ U ngược rõ ràng. Đỉnh chữ U ngược gần tương ứng với điểm ngoặt 1200 USD. Tuy nhiên, căn cứ theo công trình nghiên cứu riêng của Randolph, việc giảm bất bình đẳng thu nhập ở Malaysia không phải là kết quả của hiệu ứng chữ U ngược, mà đúng hơn là bất chấp hiệu ứng chữ U

ngược. Sự can thiệp đại trà của chính phủ nhằm giảm đói nghèo và bất bình đẳng khu vực giữa các nhóm sắc tộc, thể hiện qua Chương trình kinh tế mới, đã có công tạo ra những cải thiện về phân phối thu nhập. Malaysia là một trường hợp ngoại lệ làm sáng tỏ qui tắc. Trong sáu trường hợp khác, cả hiệu ứng Kuznets chữ U ngược và điểm ngoặt đều không được xác nhận. Trong những trường hợp thiếu số liệu về trạng thái bất bình đẳng ứng với các mức RGDP thấp hơn điểm ngoặt (Costa Rica, Hi Lạp, và Nhật Bản), các chuyên gia về bất bình đẳng quốc gia đã bổ sung số liệu và xác nhận xu hướng tăng trưởng cùng với công bằng hay công bằng rồi mới tăng trưởng trong từng trường hợp. Đối với Brazil, Hàn Quốc, và Đài Loan, cả số liệu và ý kiến chuyên gia đều bác bỏ hiệu ứng Kuznets chữ U ngược và điểm ngoặt. Trường hợp duy nhất có thể giải thích để ủng hộ hiệu ứng Kuznets là trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ. Xét chung, các trường hợp nghiên cứu chủ yếu này chứng minh rằng: (a) ban giám khảo vẫn sai lầm về hiệu ứng chữ U ngược đối với các nước kém phát triển; và (b) khái niệm điểm ngoặt nên bị bác bỏ và do đó, hiệu ứng Kuznets không nên có các hàm ý đối với chính sách chính phủ hay dự báo các thể chế cho vay quốc tế.[18]

Các trường hợp nghiên cứu chủ yếu này mang lại một vài đề xuất về công việc nghiên cứu trong tương lai. Số liệu bổ sung về bất bình đẳng thu nhập tại các nước kém phát triển ngày càng sẵn có hơn vào mọi thời điểm. Trong nhiều năm, người ta từng lập luận rằng các nghiên cứu thống kê theo dạng dữ liệu chéo là cách duy nhất để đánh giá hiệu ứng chữ U ngược cho các nước kém phát triển do không có số liệu. Bây giờ các nghiên cứu theo chiều dọc có tính so sánh hay tương thích hơn nên được thực hiện cho các nhóm nước kém phát triển đang trải qua tăng trưởng kinh tế dài hạn. Một trong những nhược điểm của nghiên cứu này là chỉ có hai nước, Brazil và Thổ Nhĩ Kỳ, chủ trương xem công bằng là một sản phẩm của tăng trưởng. Trong những năm gần đây, những nước khác như Chile đã trải qua tăng trưởng đáng kể với chính sách phân phối nhỏ giọt. Khi số liệu về thay đổi phân phối thu nhập trở nên sẵn có trong những trường hợp như vậy, các nghiên cứu theo chiều dọc cho nhiều trường hợp có thể giúp xác minh những kết luận có tính chất thăm dò của tôi.

Thứ hai, các phát hiện cho thấy rằng các kết luận gây nhiều tranh cãi của Adelman và Morris (1973) xứng đáng nhận được sự xem xét mới mẻ. Các kết luận này bác bỏ khái niệm là tăng trưởng kinh tế không thôi có thể dẫn đến mức sống công bằng hơn cho dân chúng.

> Ý nghĩa đáng sợ của nghiên cứu hiện nay là hàng trăm triệu người tuyệt vọng trên khắp thế giới sẽ bị tổn thương thay vì được cứu giúp bởi phát triển kinh tế. Trừ khi những số phận này trở nên trọng tâm chính của chính sách phát triển vào thập niên 70 và 80, bằng không phát triển kinh tế xem ra chỉ phục vụ cho việc đẩy mạnh tình trạng bất công (Adelman và Morris, 1973, trang 192).

Những phát hiện này cảnh báo nhiều nhà kinh tế học và chịu sự tấn công về phương pháp luận và thống kê. Nghiên cứu của Ahluwalia mâu thuẫn trực tiếp với nhiều phát hiện của quyển sách và nhiều người cho các kết luận của Adelman và Morris là sai lầm.

Như thể hiện qua hình 3, các trường hợp trong nghiên cứu này không chỉ đặt nghi vấn về hiệu ứng Kuznets về tăng trưởng công bằng, mà còn hỗ trợ cho luận điểm của Adelman và Morris rằng "hy vọng duy nhất để cải thiện đáng kể tình trạng phân phối thu nhập ở các nước (kém phát triển) này nằm ở sự chuyển biến về môi trường thể chế" (trang 194). Từ nghiên cứu của tôi cho các trường hợp riêng biệt, một mối quan hệ xu hướng giữa bất bình đẳng và các lực kinh tế xã

hội đã hình thành. Khi một đất nước phát triển trong thời hậu chiến, việc tấn công vào nhóm hưởng lợi truyền thống (đặc biệt là các địa chủ lớn) cùng với sự thay đổi đạt được về các mối quan hệ quyền lực giai cấp xem ra là một điều kiện cần và đủ để đạt được tình trạng bất bình đẳng thấp. Ở Hi Lạp, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Đài Loan, nhóm quyền lợi truyền thống đã được thay thế và các mối quan hệ quyền lực giai cấp đã thay đổi đáng kể trong thập niên 40 và 50. Đây là toàn bộ lập luận về những gì mà Adelman và Robinson (1978) gọi là "tái phân phối trước khi tăng trưởng" và như họ dự đoán, những nước này trải qua thành công nhiều nhất trong việc đạt được cả tăng trưởng và công bằng. Costa Rica và Malaysia có những nỗ lực mà Adelman gọi là "tái phân phối cùng với tăng trưởng" – và đã có những thành công nhất định, cho dù tái phân phối trước khi tăng trưởng xem ra hữu hiệu hơn. Trong trường hợp ngược lại, Brazil chưa bao giờ trải qua một nỗ lực cải cách ruộng đất có ý nghĩa hay bất kỳ nỗ lực nào tương tự giúp làm yếu đi nền chính trị đầu sỏ; và sự gia tăng bất bình đẳng tiếp tục gắn liền với tăng trưởng kinh tế cao khi họ tiếp tục "tái phân phối thông qua tăng trưởng."

Hình 3. Thay đổi cơ cấu giai cấp và tình trạng bất bình đẳng

		Cơ cấu giai cấp thay đổi, nền chính trị đầu sỏ kết thúc		
		Thấp	Trung bình	Cao
	Cao	Brazil		
Hệ số Gini 1980	Trung bình	Thổ Nhĩ Kỳ	Costa Rica Malaysia	
	Thấp			Hi Lạp Nhật Bản Hàn Quốc Đài Loan

Từ tám trường hợp nghiên cứu chủ yếu bao gồm hai nước châu Mỹ Latinh, một nước châu Âu, một nước Trung Đông, ba nước Đông Á, và một nước Đông nam Á, biến số giai cấp hay cơ cấu xã hội giúp giải thích cho tình trạng bất bình đẳng nhiều hơn so với hiệu ứng Kuznets. Các yếu tố chính trị xã hội nổi bật hơn so với các yếu tố kinh tế thuần tuý.

Cuối cùng, các phát hiện này đặt nghi vấn về các chính sách tự do mới đang chi phối phần lớn thế giới đang phát triển. Phần nào giáo điều tự do mới cho rằng nếu các lực phi thị trường can thiệp vào nền kinh tế để khuyến khích giảm tình trạng bất bình đẳng, tình trạng phi hiệu quả sẽ làm cho tăng trưởng kinh tế không phát huy đầy đủ được. Tám trường hợp trong nghiên cứu này đều trải qua tăng trưởng kinh tế vượt bực trong giai đoạn 1950-80, và sáu nền kinh tế trong số đó đã đạt được thành tựu kinh tế cùng với công bằng đáng kể.

Chú thích

[1] Ảnh hưởng của các bằng chứng theo các nước và sự hỗ trợ giả thiết này của các nhà kinh tế học chính thống mạnh đến mức hiệu ứng chữ U ngược trợ thành một "hệ tư tưởng hiện đại" (Saith, 1983, trang 367). Sự hỗ trợ thống kê cho hiệu ứng Kuznets và có lẽ đôi chút mơ tưởng rằng khi có đủ tăng trưởng kinh tế thì sẽ có một xu hướng chung về công bằng, đã làm cho hiệu ứng chữ U ngược trở thành cơ sở cho các dự báo của Ngân hàng Thế giới về đói nghèo và bất bình đẳng (Anand và Kanbur, 1993, trang 41) cũng như để biện hộ cho các "chính sách tăng trưởng cao bất bình đẳng cao" ở những nước như Brazil (Muller, 1993, trang 290).

[2] Một số nghiên cứu như của Streeten (1981), trong khi nghi ngờ phần giảm dần của chữ U ngược, đã lập luận rằng việc chú trọng vào các nhu cầu cơ bản thì hữu ích hơn so với chú trọng vào phân phối thu nhập.

[3] Có vô số đại lượng đo lường đói nghèo và một số đại lượng xếp Costa Rica vào mức đói nghèo cao hơn nhiều. Số đo sử dụng ở đây là thu nhập 60 USD một người một tháng vào năm 1985 tính theo USD thực và ta có thể tìm đọc phần giải thích cho tiêu chí này trong nghiên cứu của Psacharopoulos và những người khác (1993, trang 51-82).

[4] Przeworski (1991, trang 177-178) nhận xét rằng đối với Brazil, "việc đánh thuế 20% dân số có thu nhập cao nhất với thuế suất tăng thêm 30% sẽ giúp thu ngân sách tăng thêm 20% GNP và làm tăng gấp bốn lần mức sống của 40% hộ gia đình nghèo nhất xã hội."

[5] Tìm đọc tài liệu bảo vệ cho phương pháp luận theo khu vực trong lĩnh vực nghiên cứu này trong phân tích của Jackman (1985) và Nielsen và Alderson (1994, trang 4-8).

[6] Có những ngoại lệ đáng kể gần đây (Milanovic, 1994; và Nielsen và Alderson, 1994).

[7] Tìm đọc tài liệu của Ragin (1987) thảo luận xuất sắc về ưu và nhược điểm của hai phương pháp luận trong nghiên cứu so sánh này.

[8] Năm 1953 là năm đầu tiên được xét đến trong giai đoạn nghiên cứu của Summers và Hestion về Hàn Quốc và năm 1955 là năm đầu tiên trong giai đoạn nghiên cứu của họ về Malaysia.

[9] RGDP năm 1980 là 1.114 USD đối với Bolivia, 1.067 USD đối với Congo, và 1.031 USD đối với Honduras.

[10] Do phạm vi trình bày bài viết có hạn nên việc thảo luận từng trường hợp chỉ được trình bày ngắn gọn. Tìm đọc nguồn trích dẫn để có thông tin chi tiết hơn về từng trường hợp. Việc trình bày từng trường hợp một sẽ không có tính chất chi tiết như nhau. Costa Rica và Malaysia sẽ được dành cho nhiều không gian hơn vì đây là hai trường hợp duy nhất trong nghiên cứu này mà chính phủ cố gắng tái phân phối thu nhập cùng với tăng trưởng.

[11] Trong một nghiên cứu xem xét hiệu ứng Kuznets sử dụng 279 quan sát, Nielsen và Alderson nhận thấy sự khác biệt giữa đơn vị phân tích là hộ gia đình và cá nhân chỉ vào khoảng 1,5%, thấp hơn nhiều so với những thay đổi rõ ràng về tình trạng bất bình đẳng cần thiết cho các kết luận trong nghiên cứu này. Tuy nhiên, tôi đã sử dụng số liệu hộ gia đình cho tất cả các quan sát trong nghiên cứu này.

[12] Ngoại lệ là Đài Loan. Các giá trị ước lượng về tình trạng bất bình đẳng năm 1953 và 1959-60, tuy thường được sử dụng và được chấp nhận rộng rãi, có chất lượng rất kém (Moll, 1992). Tuy nhiên, các giá trị ước lượng này vẫn được bao gồm vì chúng thường xuyên được trích dẫn bởi các học giả hàng đầu và việc bao gồm chúng không làm thay đổi các kết quả của nghiên cứu này.

[13] Niềm tin phổ biến rằng Costa Rica luôn luôn là một xã hội quân bình là một huyền thoại, nhìn chung được tạo ra bởi các nhà dân chủ xã hội vì mục đích chính trị (Molina Jiménez, 1991). So sánh phân phối thu nhập với các nước châu Mỹ Latinh khác vào khoảng năm 1960 cho thấy tình trạng bất bình đẳng ở Costa Rica tương đương với ở Brazil và Mexico và tệ hơn nhiều so với Argentina và Chile (Muller, 1985). Nhận định thông thường của mọi người là việc sản xuất cà phê luôn luôn được chi phối bởi những trang trại nhỏ là một nhận định sai lầm. Vào năm 1935, một phần trăm trang trại cà phê lớn nhất có khoảng 20 triệu cây trong khi 75 phần trăm trang trại nhỏ nhất có khoảng 12,5 triệu cây cà phê. Nhìn từ góc độ so sánh, ta có những số liệu xuất sắc trong nghiên cứu của Liên hiệp quốc về sở hữu đất trồng cà phê vào khoảng năm 1950 ở Costa Rica, El Salvador, và Colombia. Ở Costa Rica, 27 phần trăm đất trồng cà phê thuộc về những trang trại có diện tích lớn hơn 100 hecta so với 28 phần trăm ở El Salvador và chỉ có 4 phần trăm ở Colombia (Winson, 1989, trang 95).

[14] Nghiên cứu này tập trung vào giai đoạn 1950-80 vì đây là thời kỳ nghiên cứu trong các bảng tính giá trị ước lượng thu nhập theo phương pháp ngang bằng sức mua của Summers và Heston (1984) mà sau đó được Ram (1988) và Randolph và Lott (1993) sử dụng. Số liệu từ những năm về sau được sử dụng cho Brazil, Costa Rica, Hi Lạp, Malaysia, và Thổ Nhĩ Kỳ. Đối với Brazil, năm 1989 chỉ được sử dụng để minh hoạ hệ số Gini có thể tăng cao như thế nào khi dựa vào hiệu ứng Kuznets để mang lại công bằng. Đối với Costa Rica, số liệu từ năm 1981, 1983, và 1989 được sử dụng vì xu hướng hình thành từ số liệu năm 1950-80 không xác định. Đối với Hi Lạp, số liệu năm

1982 được sử dụng để tính gần đúng tình trạng bất bình đẳng vào khoảng năm 1980. Đối với Malaysia, số liệu năm 1984 được trình bày để xác nhận xu hướng giảm của tình trạng bất bình đẳng thu nhập.

[15] Người ta có thể lập luận rằng Nhật Bản không phải là một nước nghèo kém phát triển vào năm 1950 mà là một nước phát triển xây dựng sau chiến tranh. Tuy nhiên, Nhật Bản được bao gồm trong nghiên cứu này là đúng với các tiêu chí chọn lựa trường hợp nghiên cứu.

[16] Như phần lớn các trường hợp trình bày trong nghiên cứu này cho thấy, nhận định này có lẽ nói lên tình trạng mô hình của hiệu ứng Kuznets chứ không phải là tính độc đáo đặc thù của Đài Loan.

[17] Tìm đọc những nhận định chỉ trích toàn diện về các cuộc điều tra về phân phối thu nhập ở tăng trưởng trong nghiên cứu của Hansen (1991, trang 275-280).

[18] Trong khi vấn đề này không được giải quyết một cách trực tiếp, các phát hiện theo chiều dọc của Nielsen và Alderson cũng bác bỏ khái niệm điểm ngoặt (1994).

Tài liệu tham khảo

Xem bảng tiếng Anh.